

ĐẠO CAO ĐÀI



Biên Soạn:
GIÁO HỮU THƯỢNG MÀNG THANH
1994



**GIÁO HỮU THƯỢNG MÀNG THANH
(1922 – 2009)**

CẢN TỪ

Từ xưa đến nay, đã có nhiều Tôn giáo lớn ra đời xướng xuất nhiều phương hướng, nhiều giáo thuyết đi đầu dẫn Nhơn sanh trong trường xử sự, tiếp vật theo Đạo hoá sanh của Trời, cùng khắp cả Ngũ Châu từ Đông Phương chí đến Tây Phương. Song le, vì sự văn minh vật chất càng ngày càng tiến triển quá nhanh, khoa học gần như muốn chiếm đoạt Cơ mầu nhiệm của Tạo Hóa, khiến cho tinh thần Nhơn loại càng ngày càng suy giảm lu mờ, lượn sóng văn minh tràn dập tới đâu thì nền luân lý đạo đức ngửa nghiêng tới đó. Mặc dầu, các Tôn giáo kia đã tận lực giáo nhơn qui thiện.

Nếu Đạo Trời không sớm mở lần ba, nền phong hóa, mối cang thường sau này phải vì đó mà hư hoại, đưa Nhơn loại đến hố diệt vong.

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì đức háo sanh, không nỡ ngồi xem nhơn sanh sa vào nơi tội lỗi, nên dựng huyền diệu tiên thiên giảng cơ giáo Đạo. Do đó, ĐẠO CAO ĐÀI TAM KỶ PHỔ ĐỘ hay gọi tắt Đạo CAO ĐÀI xuất hiện tại nước Việt Nam, một nước tuy nhỏ bé đối với thế giới, đã từng chịu nhiều hình phạt của Thượng Đế, nhưng lòng sùng kính Tam Giáo của dân tộc Việt Nam vẫn còn vững mạnh.

Đức Chí Tôn giảng dạy: *".. Nơi xứ này dân tình rất thuần hậu, ôn hòa, nên THẦY đến cũng như Chúa Cứu Thế đã đến với chúng con để bài trừ tà thuyết và truyền bá chơn đạo trên hoàn cầu. (TNHT. Trang 123/Q1).*

"Giáo lý của THẦY có mục đích dạy dỗ các con hòa hợp nhau trong sự sống chung cộng đồng quyền lợi và sinh hoạt. Vậy các con hãy chung hiệp nhau mãi mãi theo ý muốn của THẦY và hãy truyền bá khắp hoàn cầu thuyết hòa bình tương thân tương ái. (TNHT.Tr.122/Q1).

"Từ đây trong nước Nam đã có một Đạo chơn thật là Đạo THẦY đã đến lập cho các con gọi là Quốc Đạo". (TNHT. Trang 43/Q1).

Với một yếu lý **qui nguyên Tam Giáo, hiệp nhứt Ngũ Chi**, thành thử Đạo CAO ĐÀI là một Tôn giáo đại đồng, nên những tu sĩ của nền Tân Tôn Giáo này không còn phân biệt Giáo phái, tức là coi nhau như bạn thân và kính trọng các vị Giáo Chủ của các Tôn giáo là những bậc Thiên Sứ, bậc Tôn Sư, đồng theo một khuynh hướng: **"giáo dân qui thiện, cứu nhơn độ thế"**. Lẽ dĩ nhiên, Đạo Cao Đài phải có một Giáo lý phù hợp với trình độ tiến hóa của Nhơn sanh hiện nay, cũng như Nghi lễ thích hợp với thuần phong, mỹ tục của Nhơn loại, nhứt là với dân tộc Việt Nam, đặng chuyển đọa vi thăng tiêu trừ nghiệp chướng, cứu độ chúng sanh giải thoát luân hồi, thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn, an nhàn nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

Soạn quyển "Đạo CAO ĐÀI" này, cốt yếu giới thiệu nền Tôn giáo mới của dân tộc Việt Nam do chính Đức Chí Tôn Cao Đài Ngọc Đế làm Giáo Chủ để giúp cho các bạn tu sĩ cùng các bạn đệ giả có tài liệu nghiên cứu mỗi Đạo Trời trong cơ cứu thế kỳ ba. Nó cũng là kim chỉ Nam để vạch lối cho kẻ Hành giả nương theo đó giác ngộ, rời đốc lòng tu niệm đem cái Ta giả hiệp trở về cái Chơn thật bốn ngã, để được gần với Thượng Đế tức đấng Đạo vậy.-

Kính cẩn,

California, ngày Đầu Xuân Giáp Tuất

(February 10, 1994)

KHÂM CHÂU ĐẠO CALIFORNIA & OREGON

Giáo Hữu Thương Màng Thanh

CHƯƠNG THỨ NHỨT

I- GIỚI THIỆU DANH HIỆU ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới thành hình tại nước Việt Nam, tỉnh Tây Ninh, trong vòng tiền bán thế kỷ 20 (năm 1926). Đây là một trong những Tôn giáo lớn đang hoạt động tích cực tại Nam Việt Nam và có một hậu thuẫn nhân dân đáng kể trên ba triệu tín đồ đang sống tại quốc nội và khắp nơi trên thế giới hiện nay.

Tôn giáo này có một hệ thống Hành Chánh khá chặt chẽ; Trung Ương đặt tại tỉnh Tây Ninh xưng danh là Tòa Thánh Tây Ninh. Các cấp Hành Chánh địa phương là Trấn Đạo (vùng gồm nhiều Tỉnh). Châu Đạo (Tỉnh), Tộc Đạo (Quận), Hương Đạo (Xã). Đó là ở Quốc Nội còn ở Hải Ngoại thì có một Hội Thánh Ngoại Giáo (Mission étrangère), Trung Ương đặt tại Phnom-Penh (Cambodia) và các Chức Sắc, Chức Việc đại diện ở rải rác khắp các quốc gia Mỹ, Nhật, Pháp, Anh, Đức, Congo, Úc..v.v.

Tôn Giáo Cao Đài xưng danh hiệu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người ta quen gọi danh Cao Đài nhiều hơn vì ngắn và gọn. Muốn hiểu rõ tại sao có hai danh hiệu cùng một lúc, ta cần trở lại những ngày đầu tiên trong lịch sử lập giáo.

Đạo Cao Đài vốn phát xuất từ một hiện tượng có tính cách thần quyền. Những môn đồ trong Tôn giáo này là những người hiểu kỳ thuộc khuynh hướng thần bí, muốn khám phá bức màn bí mật che phủ thế giới vô hình từ ngàn xưa hầu có thể giúp họ giải quyết những vấn đề nan giải tại thế gian, chẳng hạn vận mạng tương lai của chính cá nhân và dân tộc họ.

Họ thực hiện những cuộc thông công bằng phép xây bàn và cơ bút với các chơn linh trong cõi vô hình. Họ đã thành công trong việc khám phá ra những năng lực siêu nhân và những thực thể linh diệu đang sống động bên cạnh cuộc đời trần tục của chúng ta. Thêm vào đó họ phát hiện được những lời Tiên tri cổ truyền nói về Đạo Cao Đài ra đời sau đây, làm cho lòng tin ngưỡng của họ được vững vàng kiên cố hơn :

1. Sách **“Phật Tông Nguyên Lý”** chép rằng : Khi Đức Thích Ca viên tịch, Đệ Tử của Ngài là A-NAN-DA rơi lụy mà hỏi rằng : " Khi Tôn Sư nhập Niết Bàn rồi ai dạy bảo các con ?" Đức Phật đáp :” Ta chẳng phải vị Phật đầu tiên, hay cuối cùng, ngày giờ đến, sẽ có một Đấng khác xuất hiện cứu đời, một Đấng Chí Thánh, một Đấng Đại Giác, cực kỳ cao thượng, một Đấng dẫn Đạo vô song, một Đấng Chúa Tế Thánh Thần và Loài Người. Đấng ấy sẽ truyền dạy các con một mối Đạo : vinh diệu buổi sơ khai, vinh diệu buổi thịnh hành, vinh diệu buổi kết cuộc, Đấng ấy sẽ xướng xuất một đời sống đạo đức hoàn toàn thuần khiết ".

2. Đạo MINH SƯ sáng lập đời nhà Thanh (Trung Hoa) có hai câu sấm truyền như sau :

CAO như Bắc Khuyết Nhon chiêm ngưỡng.

ĐÀI tại Nam Phương Đạo thống truyền.

Nghĩa là cao như Bắc khuyết, người ta trông lên mà tin tưởng, nơi phát xuất mối Đạo là Nam phương (chỉ vào nước Việt Nam) và Đạo liên tục truyền bá là Cao Đài giáo.

3. Quyển Thanh Tịnh Kinh của Đạo Giáo có câu : “Thanh Tịnh Kinh hữu vi tích. Công viên quả mãn chỉ thọ đơn thơ. Thiên mạng phương khả truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”. (Kinh Thanh Tịnh có dấu tích truyền lại rằng : Công dày quả đủ sẽ lãnh thọ đơn thơ, tức Kinh dạy bí truyền. Người có mạng Trời khá nên truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ).

4. Minh Thánh Kinh Linh-Sơn có câu: “Mạnh hữu Cao Đài Minh Nguyệt Chiếu”. (Tá danh Cao Đài, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần khai đạo sáng tỏ như trăng rằm).

5. Kinh Tinh Thế Ngộ Chơn có đoạn : Mạt hậu tiền khôn đồng nhựt đại. Thiên môn vạn giáo cộng qui căn. Nghĩa là : Sau đời Hạ nguơn mạt pháp, Trời đất đồng chung một dãy. Ngàn môn, muôn giáo, đều trở về một gốc.

Từ năm 1925 trở đi, một nhóm nhân sĩ gồm các ông *Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang* là những nhân vật đóng vai chính yếu và một số người nữa sau này trở thành những Chức Sắc tiền khai của Tôn giáo CAO ĐÀI.

Trong giai đoạn đầu, vị Giáo chủ vô hình của Đạo CAO ĐÀI thường xưng danh là Cao Đài Tiên Ông giáng cơ dạy cho các môn đệ phương pháp tu thân luyện kỹ. Tổ chức tôn giáo chưa thành hình tướng rõ rệt, còn trong tình trạng phôi thai, chỉ đơn thuần là khuynh hướng tu Tiên.

Giai đoạn thứ hai cũng Đức Cao Đài Tiên Ông này lại xưng danh Ngọc Hoàng Thượng Đế hoặc Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát và Tôn giáo có danh gọi là ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Tuy nhiên, bất kỳ một đoàn thể xã hội nào khi quyết định chọn một danh xưng hẳn phải có một lý do thúc đẩy hoặc muốn nói lên một ý nghĩa chi đó.

Danh xưng **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ** được dùng đến trong giai đoạn thứ hai đánh dấu sự trưởng thành của một tôn giáo, khởi sự truyền bá sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Chính từ đây Tôn giáo CAO ĐÀI mới đóng vai trò quan trọng trong những sinh hoạt của cộng đồng quốc gia và vì thế chúng ta sẽ đề nhiều thì giờ tìm hiểu ý nghĩa của danh xưng **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**.

II.- Ý NGHĨA CHỮ ĐẠO TRONG CAO ĐÀI GIÁO :

Trong Tôn giáo CAO ĐÀI người ta quen dùng chữ ĐẠO với ý nghĩa hết sức bao quát. Qua kinh điển và ngôn ngữ trong sinh hoạt hằng ngày của người Tín đồ một cách đại khái, chúng ta ghi nhận những nghĩa chính sau đây :

1. ĐẠO LÀ NGUYÊN LÝ TẠO THÀNH VŨ TRỤ :

Trong trường hợp này Đạo được dùng để chỉ những hiện tượng xảy ra liên tiếp như thế nào trong vũ trụ, kể từ khởi nguyên để đạt đến kết quả là có những vì tinh tú, thái dương hệ của chúng ta cùng những sinh vật đang sống trên địa cầu ngày nay. Ý nghĩa này giống như thuyết nói về “Dịch lý” trong triết học Trung Quốc. Đó là con đường biến hóa từ nhất nguyên đến nhị nguyên và tăng số mãi mãi tạo thành hình tướng và những sinh hoạt vô cùng phức tạp của vũ trụ như ngày nay. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển của Đạo CAO ĐÀI có ghi lời dạy của Đức Chí Tôn như sau :

“*Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế giới thì khí Hư Vô sanh ra có một THẦY, ngôi của THẦY là Thái Cực. THẦY phân Thái Cực ra Lương Nghi. Lương Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn khôn Thế giới. THẦY lại phân tánh THẦY mà sanh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm gọi là chúng sanh*”. (TNHT. Trang 62/Q2).

Ở một đoạn khác cũng với ý trên đây nhưng nói rõ hơn về con người và thần linh :

“Khai Thiên Địa vốn THẦY, sanh Tiên, sanh Phật cũng THẦY. THẦY đã nói một chơn thần mà biến Càn Khôn Thế Giới và cả nhân loại. THẦY là chư Phật, chư Phật là THẦY, các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có THẦY mới có các con, có các con mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật”. (TNHT. Trang 48/Q.1).

Giáo lý này nói rõ sự sanh hóa từ một ra hằng hà sa số và gọi con đường ấy là ĐẠO. Khi giảng về sự sống chết của kiếp con người Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có dạy :

“Tà mị cũng như hạt lúa đã hẩm mà thúì thì thế nào mọc đặng mà sanh bông trở trái. Còn bậc chơn tu tỷ như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì lên cây, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa chơn thần, chơn thần lại biến hằng muôn thêm hoài “Ấy là ĐẠO”. (TNHT. Trang 30/Q.1).

Lại nữa, khi giảng về Nghi Lễ, chấp hai tay bắt ấn Tý để lạy có nghĩa gì? Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng đã dạy rằng: *“ĐẠO là con đường sanh hóa do phép âm dương phối hợp”* :

“Tà là nhứt, hữu là nguyệt, vị chi âm dương, âm dương hiệp nhứt phát khởi càn khôn sanh sanh hóa hóa tức là ĐẠO.”

Lạy kẻ sống hai lạy là tại sao ?

“Là nguồn cội của nhơn sanh, lưỡng hiệp âm dương mà ra. Ấy là ĐẠO”. (TNHT. Trang 2/Q.1).

Tất cả những dẫn chứng trên đây cho chúng ta thấy rằng : nghĩa lý chữ ĐẠO là con đường sanh hóa ra muôn loài vạn vật khởi từ một gốc duy nhứt là **Hư Vô chi khí**.

2. ĐẠO LÀ CON ĐƯỜNG PHẢN BỔN HUỒN NGUYÊN :

a/. CÁ THỂ :

Từ nhứt nguyên sang nhị nguyên cái chơn thần của Đấng Chủ Tế Càn Khôn Thế Giới ngày nay bị phân chia manh mún để tạo hóa vạn linh và gói-gém vào trong những hình hài dị biệt, cái năng lực sống của chính mình Ngài bành bạc khắp mọi nơi.

“Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh THẦY mà ra. Hễ có sống ắt có THẦY, THẦY là Cha của sự sống”. Hoặc nói rõ hơn “Cái mạng sống là THẦY”. (TNHT. Trang 62/Q.2).

Thế nhưng bước sang vòng nhị nguyên thì sống và chết là những giai đoạn kế tiếp nhau và chỉ có ý nghĩa tương đối. Nói sống là để so sánh với những gì gọi là chết và ngược lại nói chết là để so sánh những gì gọi là sống. Vượt lên trên thế giới nhị nguyên ấy, chúng ta thấy rằng sự sống chết chẳng qua chỉ là những lần biến hóa của chơn thần, Đấng Thượng Đế luân chuyển từ trong hình hài này qua hình hài khác, chẳng khác nào chất nước, khi thì ở đồng ruộng tắm mát cỏ cây, lúc chảy ra sông nuôi loài tôm cá, khi thì ở đại dương, khi bốc thành hơi nước, lúc hóa mây mưa, có lúc lại chui vào thân người thành máu huyết, lúc tiết ra mồ hôi, nước tiểu. Nước ấy vẫn là nước, nhưng đã trải qua bao lần biến thể cũng như chơn thần của Thượng Đế đã tự phân chia thành muôn vàn mạng sống của vạn linh, luân chuyển qua những hình thức tử sinh của vạn loại mà khối sống ấy vẫn không hề mất.

Con đường trở về từ vạn linh đến Thượng Đế, từ tiểu ngã của mỗi cá thể hòa vào cái Đại ngã của vũ trụ cũng gọi là ĐẠO. Ấy là **“con đường phản bổn huồn nguyên”** mà các nhà Đạo giáo xưa nay vẫn thường gọi.

Sự trở về với nguồn gốc nguyên thủy, sự hiệp nhất giữa Trời và Người, giữa Vạn linh và Chí linh cũng được những người Tín đồ CAO ĐÀI gọi là ĐẠO. Giáo lý CAO ĐÀI dạy rằng nơi mỗi con người chúng ta có ba phần quý báu nhất là Tinh, Khí, Thần. Ngày nào ba món ấy hiệp một được thì người tu sĩ thành công, nghĩa là trở về cùng khối Đại Chơn Thần của Đức Chí Tôn mà biến hóa vô cùng. Sự hiệp nhất ấy được gọi là ĐẠO trong lời giảng giải sau đây:

“LẠY THẦN, LẠY THÁNH BA LẠY LÀ TẠI SAO ?

“Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhất. Ấy là ĐẠO”. (TNHT. Trang 11/Q.1)

b/. TẬP THỂ :

Còn nói về sự hiệp nhất của những tập thể gồm nhiều sanh linh, thì ĐẠO có nghĩa là con đường trở về nguồn gốc nguyên thủy. Nó được vạch ra, phơi bày trước mắt, mời mọc cho người bước lên và cùng đi theo hướng đi ấy. Như một đoàn lữ hành nối đuôi nhau rảo bước mà có kẻ đến đích trước, người đến sau, hoặc có kẻ ngã gục giữa đường, ấy là tùy ở những bước đi của chính cá nhân họ. Con đường hay Đạo nơi đây có tính cách khách quan như một phương tiện cố định.

3. ĐẠO LÀ NHỮNG LUÂN LÝ XÃ HỘI :

Đã bảo rằng: *“Các con là THẦY, THẦY là các con”* thì cái nhìn đây tính cách nhân bản, Thượng Đế chẳng qua là tập thể Vạn linh. Vậy thì ý muốn của đa số con người trên hoàn vũ chính là ý muốn của Đức Chí Tôn. Những sự cố gắng liên tục của bao thế hệ nằm trong hướng tiến đến những tiêu chuẩn tốt đẹp chi phối cuộc sống của con người dần dần hình thành những quan niệm về luân lý xã hội cũng gọi là Đạo. Ấy là những lẽ phải tương đối do xã hội qui định, có tính cách biến thiên tùy theo thời gian và không gian.

Giáo lý CAO ĐÀI có ghi lại lời xác định của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế về một nghĩa của chữ ĐẠO đồng với luân lý xã hội như sau :

“Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây thành chánh giáo, là vì khi trước cần vô đức khán, khôn vô đức duyệt thì nơn loại duy có hành Đạo nơi tư phương mình mà thôi”. “Còn nay thì nơn loại đã hiệp đồng, cần khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nơn loại nghịch lẫn nhau”. (TNHT. Trang 18/Q.1).

Nghiên cứu về phong tục và xã hội học chúng ta thấy quá rõ ràng rằng *“Bên này dãy núi Pyrénées là chân lý, bên kia lại là sai lầm” (Vérité en deca des Pyrénées erreur delà - Pascal).*

Ngay cả lẽ phải trong đời sống lứa đôi gọi là đạo vợ chồng cũng thay đổi theo không gian và thời gian. Nơi đây bị kết án là vi phạm luân lý xã hội nghĩa là vô Đạo, nếu người trai kết hôn với con gái của dì ruột y, ngược lại ở xứ khác như Trung Hoa ..v.v, y có thể làm công việc ấy một cách tự nhiên.

Tóm tắt chữ ĐẠO trong **Giáo Lý CAO ĐÀI** được dùng để chỉ :

- Nguyên lý sinh thành vũ trụ hay nguồn gốc phát sinh mọi vật và mọi việc.
- Sự trở về nguồn trong đời sống của cá nhân.
- Lý thuyết, phương pháp tổ chức giúp cho tập thể con người hướng về nguồn gốc nguyên thủy.
- Luân lý xã hội bày ra có tính cách hướng dẫn đời sống con người đạt đến những giá trị cao hơn các loài sanh vật khác.

Bốn nghĩa chính ấy xếp liền nhau đã cho chúng ta một ý niệm khá đầy đủ về chữ ĐẠO trong học thuyết CAO ĐÀI, dầu rằng còn nhiều điều chưa được giải rõ và hứa hẹn những sự khám phá mới trong tương lai.

“ĐẠO nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó rồi mới học các nghĩa huyền bí khác cho đặng”. (TNHT Trang 3/Q.2)

III. Ý NGHĨA DANH HIỆU ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ :

Nếu xét theo nghĩa lý từng chữ chúng ta có thể hiểu rằng :

- Đại Đạo là con đường lớn hay mối Đạo lớn.
- Tam Kỳ là lần thứ ba.
- Phổ Độ là bày ra để cứu chúng sanh.

1.- ĐẠI ĐẠO :

Trước hết xin bàn về hai chữ Đại Đạo. Tính chất căn bản trong học thuyết Cao Đài là tổng hợp tinh hoa các giáo thuyết khác, cho nên nếu không chịu đứng trên căn bản này khi tìm hiểu về lý Đạo, chúng ta sẽ thấy trăm nghìn thắc mắc mâu thuẫn ngay trong lời dạy của Đức Chí Tôn mà nguyên do là tại nơi tâm sai biệt của chúng ta, tại lý trí phán xét lẫn lộn trong vòng tương đối của nhị nguyên. Trời là Trời, Đất là Đất, Người là Người, đâu ra đấy, không thể lẫn lộn được. Đó là tính chất của nhị nguyên.

Trái lại Đức Chí Tôn có dạy :

“THẦY là chư Phật, chư Phật là THẦY, các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có THẦY mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật”. Hoặc nói rõ hơn “Các con là THẦY, THẦY là các con”.

Và đó là tính chất vượt lên trên cả nhất và nhị nguyên hay nói một cách khác vừa nhất nguyên vừa nhị nguyên, gọi là ĐẠO trong CAO ĐÀI giáo.

Với cái nhìn bao quát này chúng ta hãy xét chữ ĐẠI trong hai tiếng ĐẠI ĐẠO. Vấn đề được đặt ra cho tất cả các vị Giáo Chủ là giải quyết cuộc đời. Giải pháp của từng Giáo chủ xưa nay cũng được gọi là Đạo, nó bao hàm ý nghĩa một thái độ tích cực, một phương pháp hoạt động, một lối sống cho con người. Hiên nhiên với danh xưng ĐẠI ĐẠO , CAO ĐÀI tự cho mình là con đường lớn.

Những người quen nhìn từ bên ngoài, từ hiện tượng đến tâm linh, vốn qua lý luận trong vòng nhị nguyên khi phê phán về học thuyết CAO ĐÀI thường có chỗ hoài nghi về thái độ độc tôn trong danh hiệu ĐẠI ĐẠO. Lớn là so sánh với cái gì nhỏ hơn, như vậy các hình thức tôn giáo, triết học đã có, hiện có đều nhỏ hết sao ? Nếu trở lại tính chất căn bản của học thuyết CAO ĐÀI là chấp nhận sự đồng nguyên tôn giáo trong ý thức và sự dung hoà tư tưởng trong cách hành động, thì điều dị nghị về một thái độ tự tôn hẳn không còn đất đứng. Chẳng phải vấn đề sai hay đúng tự căn bản, mà là vấn đề còn hiệu lực hay không của các giải pháp từ xưa đã được đặt ra.

Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo, mỗi Chi đều có phương cách giải quyết vấn đề nhân sinh theo học thuyết của mình, nay nhìn nhận tất cả đều là hữu lý, hữu hiệu trong một hoàn cảnh nào đó, thời gian nào đó, vẫn là căn bản của **Đạo CAO ĐÀI** hay là cái Linh Đài **cao nhất** của một ĐẠI ĐẠO hay là một mối đạo lớn. Chữ ĐẠI vì vậy không mang một ý nghĩa nổi bật, vượt lên trên tất cả như một cá thể độc lập và ngạo nghễ mà trái lại chính là sự trải rộng ra, bao gồm tất cả để xem mình là kẻ khác, kẻ khác là mình trong một danh thể chung. Những phần tử lẻ tẻ, cấu tạo thành mình, nếu mất đi thì chính mình cũng mất và ngược lại nếu không có sự

ràng buộc giữa các phần tử với nhau thì những phần tử lẻ tẻ vẫn còn lẻ tẻ. Cho nên chữ ĐẠI là lớn tìm thấy trong ý hướng chấp nhận sự đồng nguyên với một liên hệ với nhau giữa những phần tử cấu tạo qua trung gian của một nguồn gốc duy nhất; nó từ sự giải thích hơn hay kém trong tinh thần hơn thua với một thái độ miệt thị và tôn trọng. Nhưng nhận sự thẩm định về mức độ hữu hiệu của các giải pháp với tinh thần cần có nhiều giải pháp đóng góp vào một chương trình chung là giải quyết cuộc đời. Hiểu như vậy thì ĐẠI ĐẠO là một mối Đạo cho tất cả, một đường đi chứa đựng được tất cả. Nó không phải là một con đường trong số những con đường mà là cái danh hiệu chung của tất cả các con đường ấy. Nó không phải là lối giải quyết của một vị Giáo Chủ mà là lối giải quyết của tất cả những vị Giáo Chủ.

2. TAM KỶ :

Với cái nhìn rộng rãi như vậy, chúng ta hãy lần qua đến chữ TAM KỶ, nói nôm na là lần thứ ba. Học thuyết CAO ĐÀI chia lịch trình tấn hóa của nhân loại làm ba thời kỳ chính. Trong mỗi thời kỳ như vậy đều có một hình thức Tôn giáo nào đó phát sanh để hướng dẫn tinh thần sanh chúng. Mỗi lần khai sanh một hay nhiều Tôn giáo như vậy gọi là “kỳ phổ độ”. TAM KỶ hay phổ độ lần thứ ba được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Đạo CAO ĐÀI.

Lịch sử nhân loại theo suốt dòng thời gian là một cuộc tranh đấu để sinh tồn và tấn hóa. Ấy là cái lý tự nhiên, nhưng ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm, nên đã bao phen nhân loại đứng bên bờ vực thẳm của một cuộc diệt vong rộng lớn. Trước nguy cơ diệt chủng ấy nhiều vị Giáo Chủ xuất hiện đem lý thuyết Đạo giáo truyền bá trong dân gian mong kéo con người trở lại đời sống hiền hoà. Ảnh hưởng của các Đạo giáo phần nào đã giúp ổn định đời sống xã hội, ít nữa trong một khoảng thời gian nào đó, trước khi ảnh hưởng ấy lu mờ dần để nhường chỗ cho những giáo thuyết mới phù hợp với trình độ dân trí hơn.

Song song với sự phát triển tinh thần nhân loại theo hai xu hướng thiện và ác, nhiều vị Giáo Chủ giảng trần bày ra những lối huấn luyện thích hợp đưa con người trở về hợp nhất với Thượng Đế mà ý niệm phát sinh càng ngày càng rõ rệt. Nơi đây không còn những con số niên lịch chính xác phân định những mốc thời gian giữa các thời kỳ với nhau. Vả lại cũng khó làm được như vậy vì sự tiến triển của nhân tâm nói chung trên dòng tấn hóa là một sự tổng hợp của nhiều cá nhân xuất sắc và trì độn.

Người ta chỉ còn nhớ lại một cách mơ hồ vào thời kỳ tiền sử xa xăm có xuất hiện nhiều vị Giáo Chủ và những nhân vật lừng danh mà công nghiệp còn được truyền tụng và suy tôn như hàng Giáo Chủ. Cũng không có ai hình dung hình dáng các vị Giáo Chủ ấy ra sao, hoạt động đích thực của các Ngài như thế nào. Những lời thuật lại trong các truyền thuyết thật là khó mà tìm được như những sự kiện hiển nhiên của những con người bằng xương bằng thịt, nhưng ít nữa nó cũng tượng trưng cho những ý nghĩa có tính cách triết học nào đó.

Theo lời thuyết giảng của các vị Chức Sắc tiền khai trong Tôn giáo CAO ĐÀI, **Nhứt Kỳ Phổ Độ** mở vào Thượng Nguơn Tam Chuyển nhằm đời Tam Hoàng, Ngũ Đế Trung Hoa và đời Abraham Jacob Trung Đông. Thượng Nguơn là Nguơn Tạo Hóa ấy là Nguơn Thánh Đức tức là Nguơn vô tội. (Cycle de la Création ou Cycle de l'Innocence).

Thời kỳ ấy con người tánh đức còn hồn nhiên chơn chất, sống theo luật thiên nhiên nên được trực tiếp thông công với Thượng Đế và các đấng Thiêng Liêng. Thời kỳ này Thượng Đế đến trực tiếp với nhân loại nên gọi là nguơn của Đức CHA mà bên Gia-Tô Giáo gọi là **Đức CHÚA CHA** (*règne du Père*).

Nhứt Kỳ Phổ Độ các vị Giáo Chủ của Tam giáo như sau:

- *Nhiên Đấng Cổ Phật làm chủ Phật Giáo.*

- Thái Thượng Nguơn Thi làm chủ Đạo Giáo hay Tiên Giáo.
- Phục Hy Đế Quān làm chủ Nho Giáo.

Sang đến thời kỳ phổ độ thứ hai tức **Nhị Kỳ Phổ Độ**, lịch sử còn ghi lại sự xuất hiện của :

- Đức Thích Ca chấn hưng Phật Giáo.
- Đức Lão Tử chấn hưng Tiên Giáo.
- Đức Khổng Phu Tử chấn hưng Nho Giáo.
- Đức Jésus Christ khai Gia-Tô Giáo.
- Đức Mahommed khai sáng Hồi Giáo.

Nhị Kỳ Phổ Độ mở vào thời Trung Nguơn là Nguơn Tấn Hóa, ấy là Nguơn tranh đấu tức là nguơn tận diệt. (Cycle du Progrès ou Cycle de Lutte et de Destruction).

Thời kỳ này trình độ tiến hóa của nhân loại phát triển mau lẹ. Các nước buổi ấy được xem là tân tiến tranh giành ảnh hưởng, tìm cách nở rộng bờ cõi xâm chiến lẫn nhau gây cảnh chiến tranh loạn lạc, nhân dân đồ thán. Buổi ấy ở Trung Hoa nhằm thời Chiến Quốc, giặc giả liên miên. Cuộc sống ngày nay không gì bảo đảm cho ngày mai. Còn ở Phương Tây, Đế Quốc Roma chinh Nam, Phạt Bắc, hết Đông qua Tây, gây nạn chiến tranh bên ngoài, còn bên trong nội bộ thì nổi lên cuộc tranh quyền, giữa phe này và phe khác, sát hại lẫn nhau không sao siết kể. Các vị Giáo Chủ của Nhị Kỳ Phổ Độ giảng sanh xuống thế đều mang thi phàm xác tục như chúng ta, nhưng các vị Giáo chủ ấy được người đời xem là những vị Thiên Sứ, con trưởng của Thượng Đế, lãnh lệnh giảng trần diu dẫn, dạy dỗ nhưn sanh đi theo con đường Thánh Đức. Nhưn loại muốn trở về với Đấng Cha Lành tức Đức Đại Từ Phụ Cao Đài Thượng Đế phải nương nhờ nơi các **Đức Con** diu độ đưa đi. Đó là Nguơn của Đức Con, Gia-Tô Giáo gọi là **Đức Chúa Con**. (*Règne du Fils*).

TAM KỲ PHỔ ĐỘ mở vào thời kỳ Hạ nguơn Tam Chuyển tức là nguơn Bảo Tồn mà cũng là nguơn Tái Tạo và nguơn Qui Cổ. (Cycle de Conservation, de Reproduction et de Renovation).

Vì lẽ **Bảo Tồn**, nên nay Hạ Nguơn hầu mãn, Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút lập TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Lại cũng bởi Hạ Nguơn là Nguơn cuối cùng Đại Đạo phải qui nguyên phục nhứt theo lẽ Tuần hườn. Bởi Tam giáo: Nho, Thích, Đạo (Phật, Tiên, Thánh) là ba Chánh giáo đã khai đời Thượng cổ, nhưng mọi việc chi cũng hữu thi hữu chung. Cái tận tức là cái cuối cùng mà hể cuối cùng chẳng dứt thì phải qui nguyên theo lẽ Tuần hườn vậy. (*Retour à l'Origine*).

Nói lần thứ ba là để so sánh với lần thứ nhứt và lần thứ hai trước đây. Thời kỳ Hạ Nguơn Tam Chuyển là thời kỳ chúng ta đang ở hiện nay. Thời kỳ khoa học và văn minh vật chất phát triển tiến bộ vượt bực đưa nhân loại đến con đường chiến tranh lan tràn khắp cả Ngũ Châu, chỗ này vừa yên thì giặc nổi dậy lên chỗ khác, do tay các cường quốc xúi dục cho người một nước tương tàn tương sát lẫn nhau vì chủ nghĩa bất đồng. Trận đại chiến thứ ba khó bề tránh khỏi và sẽ ác liệt vô cùng với những khí giới tối tân giết người hằng loạt xa cách muôn dặm.

Cơ tận diệt hầu gần, nên Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế vì muốn bảo tồn đức tin của nhân loại, với lòng từ bi tha thiết, mới nhứt định mở Đạo Kỳ Ba, "**Đạo CAO ĐÀI**", để diu dẫn nhân sanh lập đời minh đức, tân dân, huynh đệ đại đồng, hòa bình thế giới, xây hạnh phúc cho nhân loại với hai điều kiện căn bản là "**BÁC ÁI và CÔNG BÌNH**", để bước qua Thượng Nguơn Tứ Chuyển tức **Thượng Nguơn Thánh Đức**.

Thời kỳ này các Đấng Thiêng Liêng còn ở cõi vô hình thì dùng huyền diệu cơ bút thay thế cho Đức Chí Tôn giảng dạy, diu dẫn nhân sanh. Các chơn linh khác giảng trần thay hình Đức Chí Tôn lập thành “**Hội Thánh tức là Thánh Thế**” để phổ độ chúng sanh, gieo truyền chánh giáo nên gọi là thời kỳ các *Đấng Thánh Thần*. (*Règne du Saint Esprit*).

Lập Đạo kỳ ba, ngôi Giáo Chủ của CAO ĐÀI chính Đức **Cao Đài Ngọc Đế**, Ngài chỉ định ba chơn linh Thiêng Liêng đại diện cho Tam giáo gọi là “**TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM**”, ba vị này được họa hình chung trong Thánh Tượng Ngũ Chi để tìn đồ thờ tại tư gia:

- *Quan Âm Bồ Tát, đại diện Phật giáo.*
- *Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch, đại diện Tiên giáo.*
- *Quan Thánh Đế Quân, đại diện Thánh giáo.*

Trong Đạo CAO ĐÀI tôn sùng ba chơn linh trên xem như những vị đặc trách trông nom sự chấn hưng của Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo. Ngoài ra còn hàm ý đề cao tinh thần minh triết của ba chơn linh ấy khi mang kiếp người ở trần gian, để tìn đồ Cao Đài noi gương ba chơn linh ấy trong việc đối nhân xử thế, khắc kỷ tu thân. Những đức tính tốt được đề cao của ba chơn linh ấy là:

- Với Đức Quan Âm Bồ Tát Thị Kính, người Nữ Tín Đồ Cao Đài học gương “Nhấn nại, Từ hoà, Trung Trinh, Tiết Liệt” của Bà.

- Với Đức Quan Thánh Đế Quân, Quan Vân Trường, người Nam Tín Đồ Cao Đài, học nơi Ngài đức tánh “Trung Cang Nghĩa Khí”.

- Với Đức Lý Đại Tiên Thái Bạch, Nam Nữ Tín Đồ Cao Đài học nơi Ngài đức tánh “Công Bình, Chánh Trực, khinh thường vinh hoa, phú quý, xem danh lợi quyền là ảo ảnh buộc trói con người thế tục”.

Những nhân vật vừa kể trên đây là những vị thường được nhắc đến nhiều nhất trong học thuyết CAO ĐÀI, thế còn những vị Giáo Chủ các Tôn giáo khác trên khắp hoàn cầu thì sao ? Xếp vào kỳ phổ độ nào ?

Bất kỳ Tôn giáo nào, những hình thức tín ngưỡng dù ở phương trời góc biển nào cũng có những hiện thân của Thượng Đế làm đối tượng tôn sùng cho người tin theo, như vậy thì sự liệt kê danh hiệu các vị Giáo Chủ qua ba kỳ phổ độ như vừa nêu trên chỉ có giá trị tượng trưng cho khuynh hướng muốn bao gồm, thống hợp tất cả. Xét cho cùng thì sự tượng trưng nào lại không chỉ là tượng đối nên phải hiểu rằng đằng sau bảng kê khai này còn nhiều dấu chấm bỏ lửng hay là một dấu ngoặc chờ đón những sự điền vào tiếp nối khi trí óc tinh thần nhân loại phát triển đến mức có thể hồi tưởng lại hết tất cả những danh hiệu của các vị Giáo Chủ hoặc những người ở vào cái tư thế y như vậy trong xã hội cổ kim.

Như vậy sự phân chia thành ba kỳ phổ độ không có tính cách máy móc, toán học, nghĩa là cứ sau niên lịch nào đó thì tự động xếp các vị Giáo Chủ, các hình thức tín ngưỡng tôn giáo nhỏ lớn vào cùng một nhóm với nhau. Trái lại, sự phân chia này có tính cách rất tổng quát mang ý nghĩa rằng lịch sử nhân loại là một cuộc tuần hoàn hết thịnh đến suy, suy rồi lại thịnh. Cứ mỗi thời kỳ suy đồi, các Đạo giáo như những cố gắng làm phục sinh tinh thần cao thượng của con người hướng về nguồn gốc linh thiêng của mình.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Đạo CAO ĐÀI khoảng đầu thế kỷ 20 (năm 1926), nhưng triết lý này đã xuất hiện từ trước và nhiều nơi khác : như ở Đạo Bahai từ năm 1863, Oomoto giáo Nhật Bản năm 1892, phong trào nghiên cứu tôn giáo đối chiếu tại các quốc gia Âu Mỹ từ đầu thế kỷ 20 y như lời xác định của Đức Chí Tôn :

"... Thầy chưa giảng cơ lập Đạo tại nước Nam chớ chư Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền Đạo cùng vạn quốc" (TNHT. Trang 57/Q1).

3. PHỔ ĐỘ :

Chữ Phổ Độ có nghĩa là bày ra để cứu chúng sanh. Hai chữ Phổ Độ làm chúng ta liên tưởng đến cả một sách lược tuyên truyền, kỹ thuật quảng bá để cho một ý thức hệ đi thẳng vào tim óc của dân gian, ngự trị trong tư tưởng quần chúng để rồi tư tưởng ấy điều khiển hành động của từng cá nhân và tập thể. Đó là thái độ vô cùng tích cực nhằm đoạt đến cái đích tối hậu là nhân sanh giải thoát cái hiện tại bất toàn của họ. Thiết tưởng cần dẫn chứng điều quan hệ căn bản trong tư tưởng người đệ tử CAO ĐÀI liên quan đến sự có mặt của họ tại thế gian này trước khi đi sâu vào nghĩa lý chữ Độ.

Một đoạn trong bài đầu tiên của quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Quyển Thứ Nhì) có ghi chú như sau : **"Cõi trần là chi ? Khách trần là gì ? Sao gọi là khách ?"**

"Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh, Tiên có làm lỗi, ấy là cảnh sầu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần".

Vậy thì quê hương thật sự của con người không phải chỉ ở địa cầu này, nơi đây chỉ là quán trọ để khách lữ hành dừng chân một thuở trên dòng tấn hóa, một nơi để các đẳng chơn linh đến học hỏi những kinh nghiệm sống trong cuộc đời trần tục bên trong thi thể của một phàm nhân. Vậy cái tư thế của một người khách tạm ngụ chớ không phải là một chủ nhân ông vĩnh viễn. Như thế quyền tư hữu của con người đối với vật chất trên mặt địa cầu là vô nghĩa, vì tính chất vô thường của những của cải vật chất ấy. Mọi giá trị của cuộc sống được xây dựng trên sự trải dài của cái trường cửu, mà trường cửu lại chính là cái tổng hợp của nhiều giai đoạn. Nhầm lẫn giá trị của trường cửu với những giá trị đoản kỳ của các giai đoạn là xuyên tạc "Học Thuyết Cao Đài".

Chẳng hạn lập luận bảo rằng cuộc đời của một người nào đó có nhiều đau khổ, vậy cứ giết phức y đi là xong chuyện. Đó cũng là một cách giải quyết vấn đề, nhưng nó được xây dựng trên biện chứng, phản lại tinh thần trường cửu là sự sống của một cá nhân được tiếp nối qua nhiều thế hệ luân hồi hay ít ra sau khi chết cái phần linh diệu nơi con người vẫn còn tồn tại và hoạt động.

Sự **"độ rỗi"** cũng phải được xây dựng trên một lập trường, như vậy người phải vận dụng tất cả mọi khả năng để làm cho người tiến hóa đạt đến : **"Chân, Thiện, Mỹ"** trên sự trải dài của đời sống vĩnh cửu. Cái nhìn ấy khác với cái nhìn của người cho rằng hạnh phúc chỉ có trên đời này ngay trong đời sống hiện tại, và chỉ có trong kiếp sống của xác thân, có khuynh hướng qui tất cả mọi giá trị của cuộc sống vào mấy mươi năm xuất hiện trên mặt đất.

Trường cửu sẽ trở thành ảo tưởng nếu nó không được xây dựng trên giai đoạn và giai đoạn sẽ có tánh cách cục đoạn nếu nó không được xây dựng trên trường cửu, nên mối tương quan mật thiết giữa hai ý thức về hữu hạn và tuyệt đối là thế quân bình trong sự quyết định cách thức hành động khi phổ độ chúng sanh. Nhà đạo giáo nếu không nắm được mối tương quan này hay là độ tiết chế lẫn nhau thường sẽ phải cuốn theo chiều gió một cách thâm thương và thay vì giữ được vị trí của một trọng tài làm quân bình đời sống nhơn sanh, lại lấy sức mạnh của khối tín ngưỡng làm gia tốc những sự gia chạm lẫn nhau giữa các khuynh hướng đối nghịch trong xã hội. Tinh thần hay là tư tưởng tuy chẳng có sức mạnh nào cụ thể như súng đạn nhưng khả năng hoá cái cuộc đời không phải là ít. Vì vậy những cuộc xô xát ngày nay tuy mang cái vô cơ khí rầm rộ bên ngoài nhưng không thật là những cuộc xung đột tư tưởng phát sinh từ các triết thuyết của tiền nhân. Muốn độ rỗi nhơn sanh phải nhắm vào cái gốc phát sinh những mối bất hòa trong xã hội nên phải giải quyết

vấn đề tư tưởng như là căn bản của một giải pháp. Tư tưởng sẽ chẳng có giá trị gì nếu nó không biểu lộ ra ngoài một cách cụ thể bằng hành động. ĐỘ rồi vì vậy mang hai ý nghĩa :

-Thứ nhất : **Hoán cải tư tưởng.**

-Thứ hai : **Ảnh hưởng đến hành động.**

Tư tưởng xây dựng trên ý thức đời sống trường cửu, hành động bị trói buộc vào hoàn cảnh và giai đoạn. Nếu hai lãnh vực này hoàn toàn tách rời nhau, nghĩa là như sanh vấn ý thức được giá trị của con đường thiêng liêng hằng sống, nhưng vẫn hành động theo thế tục, hoàn toàn trái ngược với tư tưởng trên đây thì kẻ có trách nhiệm trong Tam Kỳ đã không tròn câu Phổ Độ.

PHỔ ĐỘ là bày ra, hẳn nhiên phải bày ra cái gì hữu hình, hữu tướng, cái lớp vỏ, cái áo ngoài tức là cái giả vậy. Kết quả của Phổ Độ lại là vấn đề của *"thế giới nội tâm"*. Nên người đi làm công việc truyền giáo mà không độ được chính mình thì chỉ nắm được cái vỏ chứ chưa hề biết được cái ruột. Nói rộng ra, những gì hiện tại có ở thế gian này thấy được bằng nhục nhãn, nghe được bằng nhục nhĩ, liên quan đến sách lược truyền bá giáo lý chỉ nằm trong phạm vi giả tạm, nó có tánh cách tùy thuộc vào môi trường và giai đoạn. Người phải xây dựng được đời sống trường cửu cho nhân sanh thì mới đạt được kết quả sau cùng của việc Phổ Độ. Nếu như Tam Kỳ chỉ làm được truyền bá giáo lý mà không tạo được đời sống vĩnh cửu cho chúng sanh thì vấn đề đặt ra là giải quyết cuộc đời chưa đi đến đích.

IV. TÔN CHỈ ĐẠO CAO ĐÀI: "QUI TAM GIÁO, HIỆP NGŨ CHI":

Trong ý thức hệ CAO ĐÀI, khi quan niệm Tam Giáo trong khuynh hướng tổng hợp, nếu chỉ thể hiện qua sự liên kết giữa ba mối Đạo lớn là Nho, Thích, Đạo thì chỉ có giá trị ở Đông Phương mà thôi. Đó là sự lựa chọn một hình thức nói lên ý nghĩa đồng nguyên tôn giáo để hiểu nhất đối với quần chúng Đông Phương và sẽ trở nên khó hiểu đối với người Âu, Mỹ, vì tư tưởng các đạo giáo này có phần xa lạ trong đời sống thường nhật của họ.

Khi bàn đến danh sách các vị Giáo Chủ được nhắc tới nhiều nhất trong các kỳ phổ độ, ta đã nghĩ rằng cần có nhiều dấu chấm bỏ lửng đằng sau bảng liệt kê ấy là điều muốn nói trong tư tưởng, còn các tên đã kể ra là cái hữu hạn của ngôn ngữ trong khả năng diễn tả. Mặc dầu nêu lên danh hiệu Tam Giáo tức là ba hình thức Tôn giáo đồng nguyên thì sự liệt kê danh tánh ba vị Giáo Chủ là đủ, nhưng ở đằng trước đó lại có chữ Đại trong tiếng Đại Đạo nên cần hiểu ngôn từ Tam Giáo Qui Nguyên như là một cách diễn tả tư tưởng **"Vạn giáo nhất lý"**. Nói cách khác khi nhìn vào Thánh Tượng của chư vị: Lão Tử, Thích Ca, Khổng Tử xếp ngang hàng nhau trên bàn thờ, biểu tượng ấy muốn nói rằng tất cả các hình thức tôn giáo trên hoàn cầu đều có giá trị tương đương với nhau là độ rồi chúng sanh bằng một sách lược phổ truyền nào đó, thích hợp với từng trường hợp.

Những người quen nhìn sự việc trên đời với con mắt nhị nguyên luôn luôn so sánh, tìm bới những điều dị biệt để xếp loại, phân nhóm chia cách người với người, sẽ lấy làm thắc mắc tại sao Đạo CAO ĐÀI lại ngang nhiên nhìn nhận rằng tất cả mọi hình thức "độ rồi" chúng sanh của các vị Giáo Chủ hay những người cùng làm việc ấy mà không xưng danh Giáo chủ đều có giá trị tương đương với nhau.

Chúng ta há chẳng biết rằng có những tôn giáo có thể lực mạnh hơn các tôn giáo khác, có nhiều tín đồ hơn các tôn giáo khác hay sao ? Và do đó tại thế gian con người không ngần ngại phê phán rằng Tôn giáo này quan trọng hơn Tôn giáo nọ hay sao ?

Chúng ta há chẳng biết rằng có rất nhiều người đi vào trong Tôn giáo và sống một cách thực tình rằng chỉ có họ là chánh Đạo còn những gì khác họ đều là mê tín dị đoan hay sao ? Nếu chúng ta trở lại lời dạy :

“*Các con là THẦY, THẦY là các con*”. “*Các con là chư Phật, chư Phật là các con*”.

Thì sự so sánh hơn thua kia chẳng còn ý nghĩa gì hết, vì chẳng còn sự cách biệt nào nữa giữa ta và Jésus Christ hay Mohammed, giữa ta và Thích Ca, Khổng Tử hay Lão Tử. Tất cả những con người ấy chỉ là sự thay hình đổi dạng của một nguồn sống mệnh mông chấy dài trên dòng thời gian mà mỗi người đều có phận sự phải hoàn thành là thể hiện sự sống ấy một cách đầy đủ nhất trong những môi trường mà mình đang có mặt. Tính cách trường cửu tìm thấy trong ý nghĩa tất cả các giáo thuyết đều có nguồn từ Thượng Đế, đều có cùng sứ mạng như nhau là phổ độ trong ba kỳ xuất hiện từ trước đến giờ. Tính cách đoản kỳ trôi buộc vào trong giai đoạn và hoàn cảnh là sách lược phổ truyền của tất cả giáo thuyết biến thiên theo thời gian và không gian. Một lần nữa khuynh hướng bao gồm dung hợp trong ý thức hệ CAO ĐÀI lại mở ra theo chiều dọc trên “**Biểu tượng Thờ Phụng**” gọi là Thiên Bàn, khi chúng ta quan sát từ Thiên Nhân trở đi thấy một sự sắp bày ra như sau :

1. Thiên Nhân. 2. Ảnh Đức Phật Thích Ca. 3. Ảnh Đức Lý Thái Bạch. 4. Ảnh Đức Chúa Jésus Christ. 5. Ảnh Đức Khương Thái Công. 6. Bảy ngai dành cho bảy vị Chư Sắc Đại Thiên Phong Cửu Trùng Đài trong Hội Thánh Cao Đài.

Tách rời “**Thiên Nhân**” ra ngoài như một biểu tượng của cái “**Lý Duy Nhứt**” hay là lẽ tuyệt đối không so sánh vào đâu được, chúng ta thấy còn lại năm biểu tượng : Phật, Tiên, Thánh, Thần, Nhơn, xếp hàng nối đuôi nhau đi về “**Lý Duy Nhứt**” tượng trưng bằng **Thiên Nhân**. Nơi đây chúng ta thấy những sách lược hành động xuất hiện trên khắp hoàn cầu rải rác theo khắp dòng thời gian mà mỗi ảnh hay linh vị trên bàn thờ tượng trưng cho một khuynh hướng. Năm lãnh vực hoạt động gọi là Ngũ Chi Đại Đạo kể từ dưới lên trên là:

1. Nhơn Đạo. 2. Thần Đạo. 3. Thánh Đạo. 4. Tiên Đạo. 5. Phật Đạo.

Chữ Đạo trong Ngũ Chi này nghĩa lý thiên về con đường, cách hành động hơn là hình thức phổ diễn của một Tôn giáo. Vì vậy ở Đông Phương chữ Nhơn Đạo đồng nghĩa với đường lối giải quyết các vấn đề nhơn sinh của *Khổng Tử, Mạnh Tử* Ở Phương Tây là lối giải quyết của *Socrate, Esohe, Platon* ... biểu tượng của nhơn Đạo là bảy cái ngai đặt ở phía dưới chót bàn thờ, theo chiều dọc từ trên Thiên Nhân nhìn xuống, trong khi ảnh tượng của Đức Khổng Phu tử lại xếp ở hàng ngang tượng trưng cho một Tôn giáo. Chiều ngang tượng trưng cho những hình thức tổ chức tôn giáo có giá trị tương đồng trong sứ mạng kéo dài ra đến vô tận trong 1 nghĩa và giới hạn trong số ba tôn giáo lớn ở Đông Phương trong cách sắp bày để nói lên ý nghĩa đó. Như vậy chúng ta có thể tưởng tượng rằng bên cạnh ảnh tượng các vị Giáo Chủ : Phật Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử còn có những vị Giáo Chủ khác nữa cũng sắp ngang hàng như vậy và mỗi vị này sẽ phải phải nhìn thẳng vào thế gian mà giải quyết tất cả những vấn đề sau đây cùng một lúc :

1. Đời sống cá nhân và gia đình trong xã hội.
2. Đời sống quốc gia trong cộng đồng quốc tế.
3. Sự thánh thiện hóa loài người.
4. Con người và những hoạt động trong cõi hư linh.
5. Sự giác ngộ toàn thể chúng sanh.

Không ít thì nhiều những giáo thuyết đều phải đương đầu với những vấn đề nêu trên và có một giải pháp rõ rệt. Có thể một giải pháp chỉ tập trung nhân lực vào một địa hạt nào đó thôi, và bởi sự liên hệ mật thiết giữa các địa hạt, bằng cách tập trung ấy, nó đã giải quyết toàn bộ vấn đề

gồm năm lãnh vực. Chẳng hạn giải pháp của Khổng Tử đặt trên căn bản lòng nhơn và khi con người phát triển đến tột đỉnh lòng **nhơn** thì người đã đạt đến mức có **nghĩa, lễ, trí, tín** sẽ biết người biết ta, biết qui thần, biết Trời đất. Hành động cho phù hợp với lòng nhơn tức là hành theo Thiên lý, là đã giải quyết các vấn đề thuộc năm lãnh vực vừa nêu trên.

Sự tu thân cho trở thành một người hiền là chuyện của đời sống cá nhân, nhưng cá nhân là một phần tử trong cộng đồng quốc gia, cá nhân cũng là một phần tử trong xã hội bị chính trị chi phối nên sự tu thân nhìn dưới góc cạnh khác lại là một cách giải quyết vấn đề cải thiện đời sống cộng đồng quốc gia. Cá nhân cũng là một phần tử trong xã hội loài người nên nhìn dưới góc cạnh khác nữa, sự tu thân của cá nhân cũng là một cách giải quyết vấn đề thánh thiện hóa loài người. Cá nhân cũng mang nơi mình một Thiên mệnh nên tu thân cũng là cách giải quyết vấn đề đời sống con người trong mối tương quan giữa thế giới hữu hình và vô hình. Với cái nhìn bao la hơn nữa chúng ta sẽ thấy rằng cá nhân con người là một sanh linh như biết bao sanh linh khác giống đang ở lẫn lộn cùng mình cho nên chuyện tu thân cũng là cách giải quyết vấn đề thức tỉnh toàn cả vạn linh.

Lòng nhơn không chỉ giới hạn trong mối tương quan giữa người và người, nó còn mở rộng đến các loài sanh vật khác. Chúng ta há chẳng từng nghe lời kết án những kẻ bạc đãi, hành hạ thú vật là hạng người vô nhân hay sao ?

Tóm lại, hoạt động của một cá nhân con người có ảnh hưởng đến tập thể vạn linh, và đời sống của vạn linh chi phối đời sống cá nhân, mà đời sống vạn linh là một phần của đời sống chí linh, hay nói cách khác cái sống của vạn linh là cách thể hiện cái sống của chí linh trong vòng sắc giới, cho nên Khổng giáo khởi đầu giải pháp của mình bằng sự tu thân như là dùng cái chìa khóa mở toan dòng dây xích gồm nhiều mắc nối với nhau.

Có thể bằng cách tập trung hoạt động vào một trong năm lãnh vực vừa nêu trên. Các vị Giáo chủ đã thật sự giải quyết toàn bộ vấn đề nhân sinh do tính cách ảnh hưởng dây chuyền giữa cái hoạt động của đời sống vạn linh. Đường lối hoạt động của các vị giáo chủ vì vậy được xây dựng trên cái trường cứu là cuộc sống của con người bất diệt, nhưng lại biến thiên với thời gian và không gian.

Vậy thì Thần, Thánh, Tiên, Phật là cái danh hiệu của người đã thành công theo đường lối tu hành do các vị Giáo chủ bày ra. Nói khác đi, bởi hành động như vậy nên mới có tên như thế. Chẳng hạn người vẫn xưng tụng Đức Khổng là Thánh trong danh hiệu Khổng Thánh Tiên Sư thì Đức Khổng lại dạy về Nhơn Đạo là cái lối làm người phải ra sao, phải hành động như thế nào khi làm Vua, làm Quan, làm dân cùng với những đức tính tốt : Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Công, Dung, Ngôn, Hạnh....Kẻ chấp nhận theo học thuyết của Đức Khổng và thành công trong cuộc sống theo lời dạy này có nghĩa là kẻ đã tròn câu Nhơn Đạo.

NGŨ CHI PHỤC NHỨT là năm lối giải quyết của tất cả nhữm vị Giáo chủ xưa nay đều hội ngộ với nhau trong giáo thuyết của kỳ ba phổ độ là giáo thuyết CAO ĐÀI. Tất cả giải pháp ấy đều nhằm hướng dẫn con người sống cho phù hợp với cái sống của Trời Đất đang diễn biến không ngừng. Sự trở về nguồn hay hợp cùng đại ngã hay là dấu đặc nhất, được cứu rỗi hay là được trở về cùng Chúa, đạt đến Chơn Như cũng chỉ là những danh từ diễn tả khác nhau. Ý nghĩa đặt mình vào trong cái sống của tạo hóa. Nhận định như vậy mới tránh khỏi sự nhầm lẫn rằng học thuyết CAO ĐÀI có tính cách độc tôn không thừa nhận các giáo thuyết khác. Tóm lại, xin phân biệt khác nhau về ý nghĩa giữa Tam Giáo và Ngũ Chi như sau :

- Nhơn Đạo là lối sống theo thuyết của Khổng Tử, Socrate, Platon, Esohe ...
- Thần Đạo là lối sống theo Khương Thái Công, những nhân vật mô tả trong Hy Lạp Phong Thần.

- Thánh Đạo là lối sống theo Jésus Christ, Mahommed.

- Tiên Đạo là lối sống theo Lão Tử, Dương Châu, Mặc Dịch, những nhân vật gọi là bàn môn, Thầy phù, bóng chày, đồng cốt...v.v.

- Phật Đạo là lối sống theo Thích Ca Mâu Ni, Pythagore.

Đó là không phải là năm Tôn giáo mang danh hiệu "Tôn giáo Nhơn", "Tôn giáo Thần", "Tôn giáo Thánh", "Tôn giáo Tiên", "Tôn giáo Phật", giống như Tôn giáo CAO ĐÀI, Tôn giáo Hòa Hảo, Tôn giáo BaHải ..v.v. mà là năm lối giải quyết vấn đề nhân sinh của nhiều tôn giáo. Như vậy chữ Phật giáo trong Tam giáo (Nho, Thích, Đạo) khác với Phật Đạo trong Ngũ Chi (Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo). Cũng giống như chiếc **thuyền Bát Nhã** khác với ý nghĩa một **Bát Nhã Thuyền**. "Thuyền Bát Nhã" là một chiếc thuyền bằng cây chạm trở hình rồng dùng để chở quan tài người chết đi chôn, còn Bát Nhã Thuyền lại chỉ mới Đạo dùng để cứu vớt chúng sanh ra khỏi bể khổ đưa họ về bờ an lạc. Một đàng là cái hình tướng, một đàng là cái nội dung. Vậy thì nói Tam Giáo qui nguyên là ý muốn tổng hợp tất cả hình thức Tôn giáo làm thành một hình thức duy nhất. Ngũ Chi phục nhứt là muốn thống hợp tất cả nội dung các giáo thuyết làm thành một nội dung duy nhất chớ chẳng chỉ rằng lạ.

Xin trích dẫn một đoạn Thánh Giáo trong quyển Thánh ngôn Hiệp Tuyển của Đạo CAO ĐÀI :

"Vốn từ trước THẦY đã lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây thành chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khản, Khôn vô đức duyệt, thì nhơn loại duy có hành Đạo tại tư phương mình mà thôi. Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau nên THẦY mới nhứt định "Qui Nguyên Phục Nhứt".

Xem thế, thì triết lý CAO ĐÀI có một điểm nổi bật đặc sắc là tính chất thống hợp và thái độ hòa hướn. Bởi sứ mạng làm nơi trung gian cho tư tưởng nhơn loại hiệp đồng, nó phải mở rộng cửa đón nhận mọi luồng tư tưởng, nghiên cứu trên căn bản hữu thần nghĩa là có một Thượng Đế luôn luôn ở trong tâm trí làm hậu thuẫn để cho sách lược phổ truyền được thích ứng với từng thời đại. **Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chương Quản Hiệp Thiên Đài** hay chơn thần của Tôn Giáo CAO ĐÀI, cơ quan đầu não hữu hình phát sinh ra tư tưởng CAO ĐÀI qua hình thức cơ bút đã minh xác :

" Đạo CAO Đài là một Tôn giáo do lương tâm vi bốn, lấy cả triết lý toàn cầu đặng làm căn bản hầu làm trung gian cho các tư tưởng hiệp đồng đặng điều dắt nhơn sanh hồi thiện ".

Chúng ta lại hiểu rằng tư tưởng vốn vô cùng chịu theo thời thế đặng ngang đỡ trí thức nhơn sanh tạo thời cải thế, thì nay nhơn loại đã hiệp đồng, Càn khôn dĩ tận thức nên triết lý ấy không cho phép nó tự đóng khung hình tư tưởng trên dòng thời gian, bởi tự bản chất nó không có sự cách biệt nào với kẻ khác như là một đơn vị đối đầu cùng những đơn vị. Từ chối thái độ cỗi mõi, như vậy là chỉ có "sở" mà không có "đụng".

Có "sở" là vì đang nằm trong một học thuyết tự nó là "đại" lại không dùng tính chất ấy làm cho nó lớn ra cả về phẩm lẫn lượng nên gọi là thiếu "đụng". Nói cách khác chẳng phải vì cứ có người nhập môn làm tín đồ, chấp nhận tín điều thì tức khắc có một **Đại Đạo**, mà trái lại từ trong lãnh vực tư tưởng của người theo thể hiện ra cho đến bên ngoài cử chỉ, hành động, lời nói, nhưt nhưt chẳng còn dấu vết nào của sự phân cách, cũng không còn thấy mình lớn hơn, vắng bật hết tất cả thắc mắc phát sinh tự đối tính của thế giới nhị nguyên mới gọi là **Đại Đạo**. Đó là trạng thái tinh thần và phương cách hành động của những bậc chơn tu đặc đạo, dù trước kia họ đi theo hình thức nào cũng vậy.

V. KẾT LUẬN :

Tổng hợp là điều trong nội tâm, hòa huân là cách biểu hiện ra ngoài, chúng ta đừng nhầm lẫn nội tâm với biểu hiện. Biểu hiện nào cũng thiếu sót, trong khi nội tâm lại chứa đầy không thể nào diễn tả hết được. Biết được khuyết điểm ấy của hiện tượng giới nên *Thần Học Đạo CAO ĐÀI* vừa *duy lý* lại vừa *duy linh*.

Sách lược phổ độ của Tam Kỳ vừa dựa trên phân tích và luận lý lại vừa dựa trên sự truyền cảm tinh thần, nói tóm tắt là truyền thần. Đặc tính này trong Thần Học làm sáng tỏ hơn tính chất dung hợp và thái độ hòa huân của học thuyết CAO ĐÀI, khiến cho những ai thường phê phán qua những nhận xét về sự biểu hiện khiếm khuyết của thái độ, của hành động nơi người Tín đồ phải đặt lại vấn đề triết lý của học thuyết Tam Kỳ : “*Qui Nguyên Tam Giáo, Phục Nhứt Ngũ Chi*” không phải là sự kết nạp ô hợp, trong đó những điểm dị biệt được nối liền nhau bằng những cái móc thô kệch, gò bó không phải là một sự kết nạp trong đó có những dị biệt là những điều cần bàn đáng được bàn cãi và phải được đưa lên hàng đầu của vấn đề.

Dị biệt là những biểu tượng hiện ra bên ngoài với thời gian và không gian của sự đồng nhất bên trong. Nói rõ hơn, chủ trương **qui nguyên Tam Giáo, phục nhứt Ngũ Chi** làm cho **Đạo CAO ĐÀI trở thành một Tôn giáo chứ không phải một hiệp hội của nhiều Tôn giáo**. Trong Tôn giáo ấy người theo sẽ thấy rằng chữ **Nhơn Đạo** không còn cái gì cách biệt với **Thiên Đạo**.

Thiên Đạo là sự trải dài trên trường cửu, **Nhơn Đạo** là sự dự phần cái vô tận ấy. **Đại Đạo** là nội dung mà **Ngũ Chi** là cách biểu hiện trong vòng sắc giới nên **Đại Đạo** hay **Ngũ Chi vẫn là “Một”** tuy rằng học thuyết ấy có đặt thành hai danh từ như vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI

A.- TỔ CHỨC ĐẠO CAO ĐÀI

a)- CHÁNH THỂ CỦA ĐẠI ĐẠO :

Đạo **CAO ĐÀI** tuy có cái bốn thể bình đẳng, nghĩa là tất cả bốn Đạo đối đãi nhau với tình anh em một nhà, con chung một Cha, song phải lập Chánh Thể, tức là cách tổ chức đăng hành Đạo cho có tôn ty trật tự. Khi lập giáo Đức Chí Tôn đã dạy : ”.....Nay THẦY nhứt định chính mình THẦY đến độ rồi các con, chẳng giao Chánh giáo cho tay phàm nữa, nhưng buộc phải lập Chánh Thể, có lớn nhỏ đăng để cho các con đìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng đảo”.

HỘI - THÁNH

Theo Chánh Thể của Đức Chí Tôn đã ấn định trong “Pháp Chánh Truyền” (Hiến Pháp của Cao Đài), Đại Đạo đại diện bởi một đoàn thể gọi là Hội Thánh (Sacerdoce). Hội Thánh là một nhóm lương sanh của Đức Chí Tôn tuyển hiệp làm một. Đức Chí Tôn đã dùng quyền thiêng liêng dạy dỗ, trước un đức nơi lòng một khiếu từ bi, cho tâm địa có tình ái vật ưu sanh để làm lợi phàm tục mà độ rỗi người phàm tục. Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu cơ bút dạy dỗ từng người cho có tư cách đứng ra hành Đạo.

HỘI THÁNH CAO ĐÀI có hai phần tại thế :

1.-Phần hữu hình là **CỬU TRÙNG ĐÀI**, thuộc đời, tức là Xác của Đạo.

2.-Phần bán hữu hình là **HIỆP THIÊN ĐÀI** nữa đời nữa đạo, tức là Chơn-Thần của Đạo. Về vô vi, có **BÁT QUÁI ĐÀI**, thuộc Đạo, tức là Hồn của Đạo vậy. Xác nhờ Chơn-Thần mà liên lạc với Hồn, thì Cửu Trùng Đài cũng nhờ Hiệp Thiên Đài mà thông công với Bát Quái Đài. Ba Đài cần phải có đủ, thì Đạo mới được toàn vẹn. Trên ba Đài ấy, còn có một Đài tuyệt cao, là Đài ngự của Đức Chí Tôn cầm quyền Chương Đạo, Đài cao ấy, gọi theo Hán văn là “**CAO ĐÀI**” mà Đức Chí Tôn dùng làm Thánh danh trong buổi **TAM KỶ PHỔ ĐỘ**.

I.- CỬU TRÙNG ĐÀI

Cửu Trùng Đài là tòa ngự của Chức Sắc Thiên Phong, đối hàm với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Cửu Trùng Đài là hình trạng của Cửu Trùng Thiên. Cửu phẩm Thần, Tiên vưng mạng lệnh cầm quyền trị thế, thì Cửu Trùng Đài cũng vưng mạng lệnh cầm quyền quản trị Đạo nơi tay. Tất cả Chơn linh trong Càn Khôn, Thế Giới phải vào Cửu Trùng Đài đăng đoạt giả trạng sắp đặt nơi ấy, mới mong lập Thiên vị mình. Chẳng vào cửa Đạo hiệp với Cửu Trùng Đài, thì chẳng đi đường nào khác mà vào Cửu Trùng Thiên cho đăng.

CỬU TRÙNG ĐÀI do Giáo Tông chương quản, dưới quyền có : “ba Chương Pháp, ba Đầu Sư, ba mươi sáu Phối Sư (trong số này có ba Chánh Phối Sư) bảy mươi hai Giáo Sư và ba ngàn Giáo

Hữu. Tỷ số này chiếu theo Thiên Thơ phải có nhưt Phật, tam Tiên, tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền, tam thiên Đờ Đệ, chương quản cơ ” **Qui Nguyên Tam giáo, Hiệp Nhưt Ngũ Chi**”.

Từ Chương Pháp đổ xuống, chức sắc Cửu Trùng Đài chia làm ba phái là :

- 1)- **Phái Thái**, biểu tượng về **Phật giáo**, mặc Thiên phục màu vàng.
- 2)-**Phái Thượng**, biểu tượng về **Tiên giáo**, mặc Thiên phục màu xanh.
- 3.- **Phái Ngọc**, biểu tượng về **Nho giáo**, mặc thiên phục màu đỏ.

Chức Sắc Nữ Phái chỉ tới bực Đầu Sư. Chức Sắc Nữ Phái mặc Thiên phục toàn màu trắng, và không chia làm ba phái như bên Nam. Chức Sắc Nữ Phái vốn có quyền tương đương đồng đẳng với Nam Phái, song phải dưới quyền chương quản của Giáo Tông.

Lễ Sanh (nam và nữ) là Chức Sắc để lo việc lễ, chưa đứng vào Hội Thánh. Sau này được phẩm Lễ Sanh được Đức Lý Giáo Tông ban ân cho giữ nhiệm vụ làm đầu một Tộc Đạo.

II.- HIỆP-THIÊN-ĐÀI

Hiệp-Thiên-Đài là nơi chuyên về đạo pháp, bảo hộ luật Đời và luật Đạo. Hiệp Thiên Đài nắm luật lệ như Ngọc Hư Cung nắm Thiên Điều. Hiệp-Thiên-Đài, tức là hình trạng Ngọc Hư Cung tại thế.

Hiệp-Thiên-Đài do Hộ Pháp chương quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Hiệp Thiên Đài, gồm có ba Chi: **Chi Pháp, Chi Đạo, Chi Thế**.

Hộ Pháp là chương quản Hiệp Thiên-Đài, kiêm chỉ huy Chi Pháp; dưới có 4 vị Thời Quân là: Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp và Tiếp Pháp. Chi Pháp lo bảo hộ pháp luật trong Đạo, chẳng ai hành động qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.

Trong Chi Pháp có **Bộ Pháp Chánh chuyên** về xử án, tức là Tòa Án của Đạo. Bộ Pháp Chánh có 7 phẩm Chức Sắc là : **Sĩ Tài, Truyền Trạng, Giám Đạo, Thừa Sứ, Cải Trạng, Chương Án, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn**. Và một phẩm nữa là **Luật Sự** thuộc hàng Chức Việc. Phẩm Luật Sự do khoa mục tuyển chọn, đối phẩm với Chánh Trị Sự bên Cửu Trùng Đài.

Thượng Phẩm chỉ huy Chi Đạo, dưới có 4 vị Thời Quân : Bảo Đạo, Hiến Đạo, Khai Đạo và Tiếp Đạo. Chi Đạo lo về phần Đạo nơi các tịnh thất, xem xét và bình vực chư môn đệ của Đức Chí Tôn, đặc trách về Phước Thiện, công tác xã hội. Cơ Quan Phước Thiện chia thành 12 phẩm gọi là **“Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng”**, bắt đầu từ dưới lên trên như sau: Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn, Hiền Nhơn, Thánh nhơn, **Tiên Tử, Phật Tử**.

Thượng Sanh chỉ huy Chi Thế, dưới có 4 vị Thời Quân : Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế, và Tiếp Thế. Chi Thế lo bảo hộ chư môn đệ của Đức Chí Tôn về phần đời. Trong Chi Thế có Ban Thế Đạo, nhiệm vụ giúp Đạo trợ Đời. Ban Thế Đạo có 4 phẩm là: **Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử**.

Mười hai vị : Tiếp, Khai, Hiến, Bảo của ba Chi Pháp, Đạo, Thế, gọi là “Thập Nhị Thời Quân” đối hàm với **“Thập Nhị Thời Thần”** Thiêng Liêng.

Hiệp Thiên Đài còn có **“Thập Nhị Bảo Quân”**, tức là **Hàn Lâm Viện của Đạo**, gồm có :
1-Bảo Sanh Quân 2- Bảo Cô Quân 3- Bảo Văn Pháp Quân 4- Bảo Huyền Linh Quân 5- Bảo Thiên Văn Quân 6- Bảo Địa Lý Quân 7- Bảo Học Quân 8- Bảo Y Quân 9- Bảo Sĩ Quân 10- Bảo Nông Quân 11- Bảo Công Quân 12- Bảo Thương Quân.

Ngoài ra còn có Tam vị Hộ Vệ Quân của 3 Đấng Tối Cao lãnh đạo Hiệp Thiên Đài, là : **Hộ Đàn Pháp Quán, Hữu Phan Quán và Tả Phan Quán.**

Trên đây là sở dụng phạm trần của Hiệp Thiên Đài; còn về sở dụng thiêng Liêng thì Hiệp Thiên Đài là nơi Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật đến tiếp xúc với Hội Thánh. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn. Đều hệ trọng là nếu không có Hiệp Thiên Đài, thì Đạo không cơ xuất hiện. Trời đất qua, chớ Đạo không qua, nhưn loại tuyệt chớ Hiệp Thiên Đài chẳng tuyệt.

Hiệp Thiên Đài lại là nơi Giáo Tông đến thông công cùng “Tam Thập Lục Thiên”, “Tam Thiên Thế Giới”, “Lục Thập Thất Địa Cầu” và “Thập Điện Diêm Cung” mà cầu siêu cho nhưn loại.

III.- BÁT QUÁI ĐÀI

Bát Quái Đài là nơi thờ phượng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, cùng Chức Sắc và tín đồ qui vị, cho trọn phép Trời-Người hiệp nhưt.

Các đấng Thiêng Liêng thờ phượng nơi Bát Quái Đài là các vị Giáo Chủ của Tam Giáo, Ngũ Chi, cùng các vị thay mặt tôn giáo mà hành Đạo trong buổi “Tam Kỳ Phổ Độ”. Cho nên cách thờ phượng sắp đặt nơi đây phải chủ về ý nghĩa Tam giáo, Ngũ chi hiệp nhưt.

Đã nói Bát Quái Đài là Hòn Đạo, mà Đức Chí Tôn vẫn nắm phần Hòn và làm chủ Bát Quái Đài thì Đạo chẳng khi nào còn chịu dưới quyền phạm nữa, cho nên Đức chí Tôn đã nói : *“Không chịu giao Chánh giáo cho tay phạm nữa” là vậy.*

Cơ màu nhiệm của Đạo là do chỗ Đức Chí Tôn mở cửa Bát Quái Đài cho các chơn linh đã tự mình lập vị nơi Cửu Trùng Đài vào tận Bát Quái Đài mà hiệp một cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Cửu Trùng Đài chỉ cách Bát Quái Đài có một cánh cửa, Như Niết Bàn cách phạm trần có một xác thân. Cánh cửa ấy nay đã mở, thì cơ đặc Đạo tại thế đã mở ra rồi vậy.

Cửu Trùng Đài lo phần độ rỗi chúng sanh, thì Bát Quái Đài lo phần siêu rỗi.

Tóm lại, về sở dụng phạm trần :

- 1.- **Bát Quái Đài** nắm Thiên điều làm cân thưởng phạt thiêng liêng.
- 2.- **Cửu Trùng Đài** do pháp luật mà hành Đạo đặng độ rỗi chúng sanh.
- 3.- **Hiệp Thiên Đài** lo bảo tồn pháp luật.

Về sở dụng thiêng liêng :

1/- **Cửu Trùng Đài** là ngôi vị Thánh, Thần, Tiên, Phật của Đức Chí Tôn sắp sẵn tại thế, cho chức sắc Thiên Phong cùng chư tín đồ đoạt thủ, Cửu Trùng Đài tức Cửu Trùng Thiên tại thế.

2/- **Hiệp Thiên Đài** là Thiên Môn mở rộng ra rước cả nguyên nhân trở về cựu vị, và giúp cho cả hóa sanh đến tranh đoạt phẩm vị thiêng liêng. Ấy là cái ngõ Hiệp các Chơn linh toàn trong Thế giới. Hiệp Thiên Đài là Ngọc Hư Cung tại thế.

Bát Quái Đài là tòa ngự của Thần, Thánh, Tiên, Phật dưới quyền chưởng quản của Đức Chí Tôn, tức là Thiên Triều, là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

b)- PHÂN QUYỀN :

Đạo CAO ĐÀI quan niệm rằng trong cơ trị thế có hai quyền hành là Thiên Thượng và Thiên Hạ.

- **Quyền Chí Linh** là quyền hành của Đức Chí Tôn và các Đấng Trọn lành tức là Thiên

Thượng.

-Quyền Vạn Linh là quyền của ba hội :

Hội Nhơn Sanh (Conseil populaire), *Hội Thánh* (Conseil Sacerdotal) và *Thượng Hội* (Haut Conseil) hiệp lại là Thiên Hạ.

Bởi **Đạo CAO ĐÀI** là dân chủ nên quyền Chí Linh (tức Thiên Thượng) cho Vạn Linh (tức Thiên Hạ) rộng quyền tự lập luật mà tu hành.

c)- CÁC CƠ QUAN TRỊ QUYỀN TRONG ĐẠO :

Nền Chánh Trị của Đạo CAO ĐÀI do hai Đài chương quản : Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, một bên phân sự Luật Pháp, một bên phận sự Hành Pháp. Hai Đài liên quan với nhau mật thiết như xác và hồn. Xác không hồn thì không làm gì được, mà hồn không xác không chỗ dựa nương, cho nên trong Pháp Chánh Truyền có nói : *“Đạo không Đài không sức, Đài không Đạo không quyền”*, thì đây, Hiệp Thiên Đài là hồn, tức là Đạo, còn Cửu Trùng Đài là xác, tức là Đài, nếu Đạo không Đài tức là không có hình thể, không phương phổ hóa chơn truyền, còn Đài không Đạo, nghĩa là không có khuôn viên, được tự do phóng túng, thì còn đâu quyền hành phân minh, đẳng cấp trật tự nữa. Cho nên Đạo tạo cho Đài *“Quyền Công chánh”*, Đài lập nên hình tượng cho Đạo nhờ *“Luật Thương Yêu”*.

1. **HIỆP THIÊN ĐÀI** là cơ quan bán hữu hình vì nó thuộc về pháp giới. Hiện tượng của Hiệp Thiên Đài là : **Pháp Chánh** (thuộc Chi Pháp), **Phước Thiện** (thuộc Chi Đạo), **Ban Thế Đạo** (thuộc Chi Thế)

PHÁP CHÁNH : Pháp Chánh là cơ quan bảo thủ Chơn Truyền, giữ gìn luật-pháp, dìu dẫn và lập vị cho con cái Chí Tôn, trong khuôn viên luật-pháp của Đạo đã thành lập, giữ cân công bình thể Thiên hành hoá, có trách vụ nặng nề để bình vực kẻ cô thế, yếu hèn bị áp chế, để sửa răn những kẻ phạm pháp luật, hầu tránh khỏi Thiên điều trừng trị, nếu bị thế trị thì mới mong giảm tội Thiên Liêng, bằng không bị thế trị thì Thiên điều không mong gì cầu rỗi. Vậy Pháp Chánh rất cần thiết để giữ gìn phẩm trật và địa vị của mỗi con cái Chí Tôn, và quyền hành phân minh cho nền Chánh trị Đạo, y theo khuôn khổ của Đạo.

PHƯỚC THIÊN : Phước Thiện là cơ quan tận độ, cốt để mở đường Thánh Đức cho toàn sanh chúng có đủ phương thế nhập vào Thánh thể, người ngoại giáo có thể nhờ nơi cửa Phước Thiện mà hiệp cùng Hội Thánh. Phước Thiện là phương bảo tồn sanh chúng, tế khổ phò nguy, vì trong đời người không có sự khổ nào nào bằng :Sanh. Lão, Bệnh, Tử. Muốn thi hành cơ tận độ, những con cái của Đức Chí Tôn sẵn có tài tình học thức đã được lập công nơi cơ quan khác, còn sót lại những kẻ chơn chất, thật thà, thì do nơi đâu mà lập công đoạt vị ? Chỉ có cơ quan Phước Thiên mới có đủ phương thấu thập toàn thể con cái Chí Tôn qui về cửa Đạo, nên gọi là cơ **“BẢO TỒN”**.

BAN THẾ ĐẠO : Ban Thế Đạo thuộc Chi Thế Hiệp Thiên Đài, có 2 nhiệm vụ rõ rệt gắn liền với danh hiệu. Ban Thế Đạo lo việc xã hội giúp Đài. Về phần Đạo, lo việc tu thân và giúp Hành Chánh Đạo thực thi sứ mạng phục vụ cho nhơn sanh trong tinh thần giáo hóa để giác ngộ, hầu hướng dẫn nhơn sanh lập công bồi đức, chuộc tội tiền khiên, qui hồi cựu vị.

Chức sắc Ban Thế Đạo chưa có thể hiển thân phé đời hành Đạo như Chức Sắc Thiên Phong trong hàng Thánh Thế Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện, nên không bị ràng buộc bởi luật Đạo, tùy theo sự giác ngộ của mỗi cá nhân lập thân hành Đạo cho xứng đáng với phẩm tước của mình đã được Hội Thánh ân huệ mở cửa chiêu hiền và cũng là phương cách tạo lập uy tín để được Nhơn sanh kính trọng, nể vì. Tạo được bao nhiêu công hạnh do Hành Chánh Đạo chứng nhận, sau này Hội Thánh sẽ đưa ra quyền Vạn Linh xét công định vị.

2. CỬU TRÙNG ĐÀI : Cửu Trùng Đài là cơ quan giáo hóa về tinh thần đạo đức, đem ảnh hưởng hạnh phúc cho Nhơn sanh, vạch rõ con đường chơn lý : yêu, hòa trong tâm lý của loài người, tập trung làm một mối tinh thần, nhìn nhau kết một tòa lương tâm của toàn thể Nhơn loại.

Cửu Trùng Đài chia ra làm hai cơ quan :

1.- Hành Chánh

2.- Phổ Tế

HÀNH CHÁNH :

Hành Chánh là cơ quan “**Tri thế, sửa đời**” cho thuần phong mỹ tục, cầm quyền Chánh trị toàn Đạo, thi hành y theo khuôn viên luật-pháp của Chí Tôn đã thành lập từ thử.

Về pháp thì có : **Pháp Chánh Truyền, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.**

Về luật thì có : **Tân Luật, Đạo Luật và Bát Đạo Nghị Định.**

PHỔ TẾ :

Phổ Tế là cơ quan truyền bá chơn giáo của Đức Chí Tôn, làm cho toàn thể Nhơn sanh biết nhìn nhận Chí Tôn là Cha Thiêng Liêng của toàn Nhơn loại, chính mình Ngài đến hoằng khai Đại Đạo, cứu vớt con cái của Ngài hầu độ rỗi 92 ức nguyên nhân trở về cựu vị. *(Đạo giáo nói rằng : có 24 chuyến thuyền Bác Nhã chở 100 ức nguyên nhân xuống phàm. Nhứt kỳ Phổ Độ, độ được 2 Ức, Nhị kỳ Phổ Độ, độ được 6 Ức nữa là 8, còn lại 92 Ức. Tính theo toán số Trung Hoa thì mỗi Ức là 10 Triệu).*

Chẳng những vậy thôi, Chí Tôn còn ân xá cho cả Bát Hồn làm lạc hoặc tội tình, đặng siêu thoát. Đã là tận độ mà Chí Tôn không có hình thể nên dùng huyền diệu cơ bút lập thành Thánh Thể của Ngài mà thay thế cho Ngài đặng phổ bày hình tượng cho Nhơn sanh noi theo lập công bồi đức mà đoạt vị.

Nhưng tiếc thay Hội Thánh đã lầm công đào luyện nên hình, mà con cái của Đức Chí Tôn còn lầm lẩn trong phàm trần, bôn xu theo thế tục, chưa thấu đáo đặng cơ quan tận độ. Vì vậy, cần phải có cơ quan Phổ Tế , mang bầu xách gậy, đến gieo rắc hạt Thánh Cốc trong tinh thần con cái Chí Tôn, đầu gốc bể chơn trời nào, như vậy đặng tỏ rằng cân công bình của Chí Tôn không bỏ sót một ai cả, ấy mới trọn câu tận độ.-

NHẬP MÔN

I.- NGHI LỄ NHẬP MÔN :

Muốn giữ Đạo làm một người Tín đồ Cao Đài, nghi thức đầu tiên là phải nhập môn cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng nó có giá trị về phần tâm linh và Hội Thánh. Nghi lễ này hầu hết Tín đồ các Tôn giáo khác đều có làm.

Người nhập môn phải quỳ trước Thiên Bàn và nói lên lời “minh thệ” của mình như sau :

“Tôi tênHọ.....Thề rằng : Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư Môn Đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục”.

Người chứng lễ là một vị Chức Sắc đương quyền Hành Chánh ở cấp nào cũng được. Tại các địa phương hẻo lánh, không có Chức sắc hành Đạo thì vị Chánh Trị Sự cũng được phép chứng lễ nhập môn.

II.- SỐ CẦU ĐẠO :

Sau nghi lễ, người xin nhập môn đã chính thức trở thành Tín đồ Cao Đài và được cấp một giấy chứng nhận gọi là “*Sớ Cầu Đạo Tạm*”. Sau sáu tháng tập sự làm quen với các sinh hoạt tôn giáo như cúng lạy ăn chay..... nếu chứng tỏ được tinh thần hướng thiện của mình, người tân tín đồ sẽ được cấp “*Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ*” thay cho “*Sớ Cầu Đạo Tạm*”.

Sớ cầu Đạo Thiệt Thọ này sẽ dùng trong suốt đời mình, khi chết sẽ được đốt đi, ý nghĩa là để gửi theo cho linh hồn người chết sử dụng.

Trên Sớ Cầu Đạo có ghi tên của hai người tiến dẫn mình, tức là người đã giới thiệu, hướng dẫn mình đi vào cửa Đạo. Hai người tiến dẫn có trách nhiệm suốt đời đối với người mới nhập môn.

Sau này nếu người Tín đồ lập được công đức lớn, người tiến dẫn cũng chung hưởng được một phần công nghiệp, còn nếu làm điều đại tội trong cửa Đạo, người tiến dẫn cũng phải chung chịu một phần trách nhiệm.

Tuy luật lệ hữu hình không ràng buộc nghiêm khắc như vậy, nhưng về mặt tâm linh quả thật có như thế. Cho nên khi đã kết nghĩa làm bạn Đạo với nhau, phải biết giữ gìn cho nhau khỏi bị sa ngã, đối xử với nhau bằng sự thành thật tín nhiệm và hòa hiệp, là những điều căn bản y như lời kinh đã dạy : “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”...

III.- TẠI SAO PHẢI NHẬP MÔN ?

- Làm lễ nhập môn có ích lợi gì ? - Tại sao phải minh thệ ?

Về mặt hữu hình trước nhất nó có ý nghĩa của một lời tuyên thệ công khai rằng: người Tín đồ bằng lòng đặt mình trong kỷ luật của Hội Thánh. Hành động này hoàn toàn tự do, có ý thức, không ai bắt buộc mình cả. Rồi vì tự mình khép khuôn trong kỷ luật ấy, vì danh dự của tập thể, vì sự tôn trọng lời hứa mà các bạn đạo, chức việc, chức sắc bề trên mới có thể và có quyền can thiệp vào đời sống tư riêng của mình buộc phải sửa dương cho nên hiền , nên thánh. Thoảng như mình không gia nhập vào Đạo Cao Đài thì những người kia chỉ là xa lạ, đâu ai có quyền can dự vào đời sống của mình, ngăn cản, việc dữ, điều lành. Và lại chung sống với nhau trong đoàn thể, anh ngã em nâng, đâu đâu cũng có bạn hữu là một điều lợi trước mắt cả về tinh thần lẫn vật chất.

Còn về phương diện vô hình, khi người Tín đồ lập thệ rồi thì sẽ được thần linh theo phò hộ, nếu họ thật tâm cải tà qui chánh. Đây là điểm hệ trọng, con người có thể đối gạt được người phạm nhưng không thể nào đối gạt được thần linh. Thần linh đến phò hộ chúng ta bằng sự giao cảm, nên nếu không thật tâm tu hành, dầu đã nhập môn cũng sẽ chẳng thấy một ân huệ nào cả. Và lại

nếu không dám hứa nhập môn theo Đạo trước mặt thần linh thì thần linh không nhận mình làm đệ tử. Ấy là lẽ đương nhiên.

Lúc mới khai Đạo tại Càn Giuộc, có một Đàn Cơ, Đức Chí Tôn giảng dạy như sau : *“Qui vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng cho hành xác, chúng nó hiệp Tam Thập Lục Động toan hại các con, nên Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm đến giữ gìn các con. Nhưng phần đông chưa lập minh thệ nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, không muốn nhìn nhận”*. (TNHT, Quyển 1, 1969. Tr. 37).

IV.- GIẢI OAN, TẮM THÁNH

Còn một điều ích lợi nữa về mặt thần quyền là sau khi lập thệ rồi, nếu may duyên gặp được vị Chức Sắc có *“Thọ Truyền Bửu Pháp”*, sẽ được làm phép **“Giải Oan”** để rửa sạch tội tình oan nghiệt đã gây ra từ trước. Tâm thần của người Tín đồ sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn trước. Bí Pháp này nhằm đem đến cho thể xác ân điển thiêng liêng thanh khiết, xua đuổi tà khí ra khỏi xác thân. Đức Chí Tôn có dạy :

“Chơn thần của các con gặp tà khí thì khó chịu nên Thầy xuống điển nhiều đặng ngăn tà mị, một đôi khi phải nhập xác vì điển xuống nhiều. Cũng một lẽ ấy mà mỗi lần lập thệ đều có nhập xác”. (TNHT. Q.2, 1970- Trang 90).

Đối với trẻ sơ sinh, cha mẹ có bốn phận phải đem nó đến Thánh Thất hay Đền Thánh để làm phép **TẮM THÁNH**. Điều thứ 12 của Bộ Tân Luật ĐĐTKPĐ ghi rõ như sau : “Đứa con nít khi được một tháng sắp lên phải đem đến Thánh Thất sở tại mà xin làm lễ Tắm Thánh và ghi vào Bộ Sanh của bốn Đạo.

Sau nghi lễ này, đứa trẻ sẽ được coi là Tín đồ về mặt pháp lý. Nó được cấp giấy chứng nhận gọi là **“Giấy Tắm Thánh”**. Cha mẹ có bốn phận phải gìn giữ giấy này cho đến khi nó trưởng thành. Theo luật lệ hiện hành của hội Thánh, đến năm 18 tuổi, đứa trẻ được coi là trưởng thành. Nó phải làm lễ Nhập môn Minh thệ và đem giấy Tắm Thánh đổi lấy **Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ**. Hội Thánh sẽ ghi tên nó vào Bộ Đạo chính thức từ đây. Sở dĩ có sự ràng buộc này là vì khi còn bé thơ, cha mẹ đem nó đi Tắm Thánh, nó chưa có ý thức gì về hành động này cả. Việc làm này hoàn toàn do cha mẹ nó định đoạt. Giờ đây đứa bé đã trưởng thành, nó có ý thức và trách nhiệm đối với mọi hành động của nó. Nó được hoàn toàn tự do xác định rằng nó muốn theo Đạo Cao Đài hay không tùy ý nó. Thoảng như nó nhất quyết từ chối không theo Đạo, luật lệ của Hội Thánh cũng không buộc tội nó hoặc cha mẹ nó. Nếu không nhập môn, không có Sớ Cầu Đạo thì kể là không có Đạo. Còn về mặt thần quyền, bí pháp Tắm Thánh cũng có cùng ý nghĩa như phép **“Giải Oan”**, nghĩa là đem ân điển thiêng liêng truyền vào cơ thể hài nhi để giúp nó phát triển dễ dàng cả về tâm linh lẫn thể chất theo chiều hướng tốt đẹp. Đối với trẻ người ta coi là vô tội, ít nhứt từ khi mới sinh ra, nên dùng chữ **“Tắm Thánh”** chứ không dùng chữ **“Giải Oan”**, vì nó chưa gây nên oan nghiệt gì cả.

*** Tại sao cha mẹ có bốn phận phải đem con đi làm lễ Tắm Thánh ?**

Khi một chơn linh xuống trần, quyết định chọn lựa gia đình có đạo đức để đầu thai làm con, chơn linh ấy xét thấy có nhiều hy vọng để được bậc cha mẹ nuôi dưỡng mình suốt thời kỳ thơ ấu trong nếp sinh hoạt đạo đức, hy vọng được hưởng ân huệ của Đức Chí Tôn ban cho trong Tam Kỳ Phổ Độ này, được Chí Tôn ân xá tội tình từ kiếp trước. Nếu bậc cha mẹ không đem trẻ con đi Tắm Thánh, nó sẽ không hưởng được ân lành của Đức Chí Tôn ban cho và con đường tấn hóa của nó có thể gặp trở ngại vì những quả nghiệp xấu mà nó đã gây ra từ bao kiếp trước và vì chưa được ân xá nên phải trả theo luật công bình thiêng liêng vậy. Trách nhiệm ấy về phần cha mẹ gánh chịu trực

tiếp vì bậc cha mẹ là người hiểu Đạo mà không lo tròn bổn phận đối với con trẻ, làm chậm trễ bước đường tấn hóa của các chơn linh xuống trần.

V.- CÁCH CÚNG LẠY

a).- Cách lay : Chắp hai tay lại như cách dưới đây : Tay trái bắt ấn Tý, nghĩa là : Bấm đầu ngón tay cái vào gốc ngón tay áp út, rồi nắm lại. Kế đó, bàn tay mặt áp ngoài, rồi ngón cái (tay mặt) xỏ vô giữa ngón cái và ngón trỏ bên tay trái. Để hai tay như vậy mà đưa lên trán, xá sáu ba xá rồi quì xuống đưa hai tay lên trán như trước mà niệm “NAM MÔ PHẬT”; đưa qua bên trái niệm “NAM MÔ PHÁP”; đưa qua bên mặt niệm “NAM MÔ TĂNG”, rồi để ngay ngực mà niệm “NAM MÔ CAO-ĐÀI TIÊN-ÔNG ĐẠI-BỒ-TÁT MA-HA-TÁT, (gật đầu).

”NAM MÔ QUAN-THẾ-ÂM BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. ”

NAM MÔ LÝ ĐẠI TIÊN-TRƯỞNG KIÊM GIÁO TÔNG ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ. ”

NAM MÔ HIỆP-THIÊN ĐẠI-ĐẾ QUAN-THÁNH ĐẾ-QUÂN. ”

NAM MÔ CHƯ PHẬT, CHƯ TIÊN, CHƯ THÁNH, CHƯ THẦN ”.

Mỗi lần lay Trời thì lay : một lay gật đầu bốn cái, làm như vậy cho đủ ba lay là 12 gật (nhớ mỗi gật phải niệm “Nam Mô Cao Đài..”) Còn lay Phật và Tiên thì ba lay, mỗi lay gật đầu 3 cali là 9 gật. Khi lay thì 2 bàn tay trải ra và hai ngón cái phải gác chéo nhau.

VI.- CÚNG ĐÀN

Nơi Thánh Thất nhằm kỳ **Vía** hay ngày lễ lớn mới cúng Đại Đàn, còn các ngày Sóc, Vọng hay có làm tuần cửu điều thiết lễ cúng Tiểu Đàn.

Mỗi kỳ Đại Đàn thì đánh 3 hiệp **LÔI ÂM CỔ** và **BẠCH NGỌC CHUNG**, mỗi hiệp 12 hồi, mỗi hồi 12 dùi, đánh **NGỌC HOÀNG SÂM**, có nhạc lễ. Tiểu Đàn không có đánh trống, duy có kệ chuông mà thôi. Khi sửa soạn cúng, đánh chuông nhất, kệ 3 câu, hễ dứt mỗi câu đánh một tiếng chuông lớn. Chừng nhập Đàn, đánh chuông nhì, kệ 3 câu, hễ dứt mỗi câu đánh một tiếng chuông lớn. Lúc cúng rồi, kệ 3 câu, dứt mỗi câu đánh một tiếng chuông lớn, kế xá bãi Đàn. Nơi nhà Đạo Hữu, trước khi sửa soạn cúng Tứ Thời thì đánh 3 tiếng chuông, lúc cúng rồi cũng đánh ba tiếng là đủ, chớ không có kệ.

VII.- TRAI KỲ

Nhập môn rồi phải tập trai giới, ban đầu ít nữa phải giữ Lục trai, lần lần tập đến Thập trai, như trường trai được càng tốt.

LỤC TRAI : là ăn chay ngày mồng 1, 8, 14, 15, 23 và 30 (Tháng thiếu thì ăn ngày 29 thế cho ngày 30).

THẬP TRAI : là ăn chay ngày mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 (Tháng thiếu ăn thêm ngày 27).

Vị nào giữ được Thập trai đổ lên thì sau khi qui liễu, được Hội Thánh đến làm phép xác, y như lời Thầy đã tiên tri :**“Ai giữ trai kỳ từ 10 ngày sắp lên, được thọ truyền bửu pháp”**.

VIII.- CÁCH THIẾT LỄ MỖI NGHI TIẾT

(Cầu hồn khi hấp hối và cầu hồn khi đã chết rồi)

Dầu nhằm giờ cúng “*Tứ Thời*” hay không cũng phải thiết lễ cúng Thầy trước. Cúng rồi thì tịnh tâm vái Thầy đặng tụng kinh **KINH CẦU HỒN** cho Đạo Hữu trong khi hấp hối hay vừa qui liễu. Rồi vị chứng đàn đến đứng phía trước đầu bịnh nhơn, nếu có đồng nhi thì sắp hàng hai bên từ phía trên sắp xuống. Vị chứng đàn đứng giữa tịnh Thần nghiêm trang và kêu người bịnh hấp hối, dầu dứt hơi rồi cũng vậy mà nói rằng : “*Tôi vâng lệnh Đức CHỈ TÔN đến tụng kinh cho linh hồn Đạo hữu nhẹ nhàng siêu thăng tịnh độ, vậy Đạo hữu phải tịnh Thần mà nghe và phải cầu nguyện nơi Đức CHỈ TÔN ban ơn lành cho*”. Kế tụng kinh “**CẦU HỒN KHI HẤP HỐI**” (3 lần), mỗi khi dứt phải cúi đầu và niệm câu chú của Thầy (3 lần). Còn như bịnh nhơn vừa tắt hơi thì tụng kinh “**KHI ĐÃ CHẾT RỒI**”(3 lần).

IX.- TẤN LIỆM

Cách thể nghi tiết làm cũng như cầu hồn vậy, nghĩa là phải cúng Thầy trước, rồi đến chỗ người chết nằm, tụng kinh **Tấn Liệm** (3 lần). Tụng rồi thì tang chủ lạy vong linh nghĩa là lạy **xác** rồi mới tấn liệm.

X.- CẦU SIÊU

Đương lúc làm phép xác, phải tụng kinh :

“*Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ*

“*A-Di-Đà Phật độ chúng dân*” v.v .

Rồi tụng tiếp bài:

“*Ba mươi sáu cõi Thiên Tào*

“*Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư ...*”

Tụng như vậy ba lần, mỗi lần dứt phải cúi đầu. Sau rốt hết phải niệm câu chú của Thầy (3 lần). Tối tụng Di Lặc chơn kinh.

Những nhà ở xa Thánh Thất, không thể đến làm phép xác được, thì sau khi tấn liệm, lập một bàn thờ vong trước linh cữu, rồi vị chứng đàn cầu nguyện Thầy (1) đặng thỉnh vong đến trước điện tiền (2) và cũng tụng như ở trên đây vậy.

Chú giải (1): Lên nhang đèn tử tế, không có đọc kinh cúng Tứ Thời, vị chứng đàn phải Chúc Sắc Thiên Phong hay là chúc việc Chánh, Phó Trị Sự hoặc Thông Sự. Phải có 2 vị Chúc Sắc hay là Chúc Việc nhỏ hơn vị chứng Đàn, cầm 2 cây đèn cầy đứng 2 bên.

Chú giải (2): Nơi Điện tiền, sau chỗ vị chứng Đàn phải để trống một chỗ, nghĩa là cho vong qui cúng Thầy và nghe tụng kinh.

XI.- ĐƯA LINH CỬU

Cúng Thầy trước, rồi làm lễ cáo từ Tổ. Khi làm lễ cáo từ Tổ thì tụng **KINH CẦU TỔ PHỤ** (3 lần), hễ dứt thì niệm câu chú của Thầy (3 lần). Kế làm lễ khiển Điện, làm lễ Nho. Xong rồi cho Đạo Tỳ nhập bái quan. Hễ phát hành thì Đồng Nhi tụng bài **KINH ĐƯA LINH CỬU** ra tới huyệt. Khi di linh cữu ra ngoài đàng thì sắp đặt như sau này :

1). Hết là Tín đồ tới Lễ Sanh thì cây phướn của THƯỢNG SANH đi trước, còn hàng Chúc Sắc từ Giáo hữu đổ lên thì cây phướn THƯỢNG PHẨM đi trước (hai cây phướn THƯỢNG SANH, THƯỢNG PHẨM ấy thế cho tám triệu).

- 2). Bàn thờ vong.
- 3). Đồng nhi đi hai hàng (Nam tả, Nữ hữu).
- 4). Linh cửu.
- 5). Tang chủ đi kế sau linh cửu.
- 6). Nữ phái.
- 7). Nam phái chót hết.

XII.- HẠ HUYỆT

Khi ra tới huyệt thì vị chứng Đàn và đồng nhi đứng trước đầu huyệt tụng kinh Hạ Huyệt (3 hiệp), mổ hiệp cúi đầu, mãn hiệp thứ ba liền tụng ba biến Vãng Sanh Thần Chú. Hết dứt thì niệm câu chú của Thầy (3 lần).

XIII. LÀM TUẦN CỬU

Từ Nhứt cửu tới Cửu cửu, kỳ nào cũng phải cúng thầy trước (cúng Tiểu Đàn) có dâng Tam Bửu và Thượng Sớ song không có Lễ Nhạc. Khi cúng Thầy rồi, thỉnh linh vị đến trước Điện Tiền, tụng bài kinh Khai Cửu (1 lần), rồi tiếp tụng Kinh nhứt hoặc nhị cửu (tụng như vậy cho đủ 3 hiệp). Đến khi dứt thì niệm câu chú của Thầy (3 lần và lạy 12 lạy). Mỗi tuần cửu phải qui tụng Di-LẶC Chơn Kinh nơi trước Bửu Đệm. Hết dứt hiệp thì niệm danh mỗi vị Phật và lạy một lạy. Sau rốt hết niệm câu chú của Thầy (3 lần) và lạy 12 lạy. Tụng nhiều chừng nào tốt chừng nấy, song mỗi hiệp tụng ba người đến 6 người cho ăn rập nhau.

XIV.- TIỂU TƯỜNG

Đếm đủ 200 ngày kể từ ngày làm tuần cửu-cửu rồi mới làm lễ Tiểu Tường.

Cách thể nghi-tiết thì cũng làm y như Tuần cửu-cửu vậy., nghĩa là cúng Tiểu Đàn, có dâng Tam Bửu và thượng Sớ, rồi thỉnh linh vị đến trước Điện tiền, tụng kinh **KHAI TIỂU TƯỜNG** kế tiếp tụng **KINH TIỂU TƯỜNG** (tụng như vậy cho đủ 3 hiệp). Đến khi dứt thì niệm câu chú của Thầy (3 hiệp). Đến khi dứt thì niệm câu chú của Thầy (3 lần) và lạy 12 lạy). Tụng Di Lạc Chơn Kinh. Còn việc cúng vong thì nên cúng nơi nhà thờ tiền vãng, làm lớn hay nhỏ tùy sức tang chủ và phải thương lượng trước với Lễ Viện.

XV.- ĐẠI TƯỜNG

Đếm đủ 300 ngày, kể từ ngày làm Tiểu Tường rồi mới làm Đại Tường. Nghi lễ cách lòn cũng y như Tiểu Tường vậy, nhưng trước hết phải tụng **KINH KHAI ĐẠI TƯỜNG** rồi tiếp tụng **KINH**

ĐẠI TƯỜNG (tụng như vậy cho đủ 3 hiệp) đến khi dứt thì niệm câu chú của Thầy (3 lần) và lạy 12 lạy).

Tụng Di-Lặc Chơn Kinh. Đại Tường mãn tang, lễ Trừ phục, cúng vong làm lễ NHO.

XVI.- CẦU HỒN VÀ CẦU SIÊU

Cho Người Chưa Nhập Môn Cầu Đạo

Những người chưa nhập môn cầu Đạo, chẳng luận giàu sang hay nghèo hèn, già cả hay trẻ bé, cùng đã có nhập môn rồi bị sa ngã bỏ Đạo, mà đến giờ xốt của người biết hồi tâm tin tưởng Đức CHỈ TÔN, hay là người chết rồi mà thân tộc người tin tưởng Đức CHỈ TÔN, đến rước chúng ta cầu hồn cùng là cầu siêu thì chúng ta cũng nên thi ân giúp đỡ linh hồn ấy siêu thoát, ấy là một điều phước đức độ linh hồn con cái của Đức CHỈ TÔN y theo chơn-truyền tận độ.

Song cách thể hành Đạo, Chúc Sắc và chúc Việc phải làm y như vậy:

- 1). Về việc cầu siêu, nếu gần Thánh Thất thì cầu siêu nơi Thánh thất.
- 2). Nếu ở xa Thánh Thất thì thiết lễ cầu siêu nơi nhà Chúc Sắc hoặc Chúc Việc gần đó.
- 3).- Nếu người trong thân chịu nhập môn thì dễ hơn. Chúc Việc cứ đến thượng tượng cho nhập môn rồi thiết lễ tang sự luôn.
- 4).- Về việc cầu hồn làm tại nhà tang chủ. Cầu hồn thì duy tụng bài :
*“Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ,
“A-Di-Đà Phật độ chúng dân” v.v..*

Tối lại cả Đạo-hữu và gia quyến của người lâm chung phải thành tâm tụng Di-Lặc chơn Kinh cho tới ngày di linh cữu.

Điều trọng yếu hơn hết là trọn tang môn phải giữ trai giới trong mấy ngày Linh cữu còn tại tiền thì mới làm bực tiến cho linh hồn giải thoát đặng.-

** Giáo Hữu Thượng Màng Thanh*